

372.6

B103T

ĐẶNG THÙY DƯƠNG - NGUYỄN KHÁNH HÀ
NGUYỄN MAI PHƯƠNG - NGUYỄN TÚ PHƯƠNG

BÀI TẬP BỔ TRỢ VÀ NÂNG CAO tiếng Việt

5

TẬP 1



NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến !

*Cuốn **Bài tập bổ trợ và nâng cao tiếng Việt 5** (hai tập) được biên soạn theo văn bản Hướng dẫn Chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học ở tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2006, đồng thời cập nhật nội dung Hướng dẫn điều chỉnh giảm tải của Vụ Giáo dục Tiểu học - Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm giúp các em ôn luyện và củng cố những kiến thức, kỹ năng cơ bản đã học ở từng tuần trong sách giáo khoa Tiếng Việt 5 để đạt kết quả vững chắc về môn Tiếng Việt ở lớp 5, chuẩn bị cho việc học tiếp chương trình lớp 6. Chúng tôi cũng đưa ra trong sách một số bài tập mở rộng và nâng cao kiến thức, kỹ năng trên cơ sở Chuẩn (được đánh dấu*) để các em có thêm hứng thú làm bài nhằm nâng cao trình độ.*

Cuốn sách gồm hai phần :

Phần một : Các dạng bài tập.

Phần này ngoài các bài tập tự luận, còn có một số kiểu bài trắc nghiệm như : khoanh tròn chữ cái trước câu (ý) trả lời đúng ; nối các ô chữ để tạo thành từ ngữ hoặc câu ; điền âm, vần, từ, câu thích hợp vào chỗ trống ; nối các tiếng, từ để tạo thành từ ngữ ; nối các ô chữ với nghĩa thích hợp...

Phần hai : Gợi ý - Giải đáp.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn ý kiến đóng góp quý báu của các nhà khoa học môn Ngữ văn, các tác giả đi trước và mong nhận được sự góp ý chân thành của các em học sinh, của quý thầy cô và các bậc phụ huynh trong quá trình sử dụng sách.

NHÓM TÁC GIẢ



Tập đọc



THƯ GỬI CÁC HỌC SINH

1. Viết tiếp vào chỗ trống :

Ngày khai trường tháng 9 năm 1945 là ngày khai trường ở nước, ngày khai trường ở nước Việt Namsau 80 năm bị thực dân Pháp.....

2. Điền từ vào chỗ trống :

Non sông Việt Nam có trở nên hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để với các năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công của các em.

3*. Nêu nội dung của bức thư :

.....
.....
.....
.....

Chính tả



4. Khi trình bày một bài thơ lục bát, cần lưu ý :

- Ghi tên bài vào giữa dòng, sau khi chấm xuống dòng, chữ đầu viết hoa, lùi vào 1 ô li.

- Ghi tên bài vào giữa dòng, sau khi chấm xuống dòng, chữ đầu viết hoa, lùi vào 2 ô li.
- Ghi tên bài vào giữa dòng, sau khi chấm xuống dòng, chữ đầu viết hoa, lùi vào 1 ô li với câu 8 tiếng và lùi vào 2 ô li với câu 6 tiếng.

5. Điền vào chỗ trống :

- a) Âm "cờ" viết là k khi đứng trước và viết là khi đứng trước các âm còn lại.
- b) Âm "gờ" viết là khi đứng trước i, và viết là khi đứng trước các âm còn lại.
- c) Âm "....." viết là ngh khi đứng trước và viết là khi đứng trước các âm còn lại.

6. Điền vào chỗ trống : ng hay ngh, g hay gh, c hay k ?

- a) Nhiều điều phải lấy giáương
.....ười trong một nước phải thương nhau cùng.
- b) Đồng Đăngó phốì Lừa
.....ó nàng Tô Thị,ó chùa Tam Thanh.
- c) Rủ nhau xemảnhiếm Hồ
Xemầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn
Đàiiên, tháp Bút chưa sơn
Hỏi aiây dựng nên non nước này ?
- d) Đường vô xứệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ.

e)

Bác thăm nhà cháu

Hôm nào Bác đến thăm nhà,
Cháu vui, vuiả lá hoaoài vườn.
Bác xoa đầu cháu Bác hôn,
Bác thương em cháu xúcôm vụng về.
Bácồiay ở bên hè,
Bón cho em cháu những thìaômon.
Bé em mắt sáng xoe tròn,
Vươn mình tay nhẹ xoa chòm râu thưa.

Bác Ừi Bác nói hiền hoà,
Nâng bàn tay nhỏ nồn nà búp tơ.
Bác về cháu đứng ẫn ơ,
Má thơm nhắc mãi Bác Hồ vừa hôn.

(Thái Hoà)

Luyện từ và câu



7. Điền vào chỗ trống :

- là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.
- Những từ có thể thay thế cho nhau trong lời nói. Ví dụ : lợn, heo.
- Khi dùng những từ ta phải cân nhắc để lựa chọn cho đúng văn cảnh và ngữ cảnh.
Ví dụ : ăn, xơi, chén...

8* Tìm những từ đồng nghĩa :

- đất nước,
- thế giới,
- đẹp,
- học tập,
- to,

9*. Đặt câu với một cặp từ đồng nghĩa trong bài 8 :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



QUANG CẢNH LÀNG MẠC NGÀY MÙA

10. Nối từ chỉ màu vàng với lời giải thích :

1) vàng xuộm	a) màu vàng đậm, đều khắp.
2) vàng hoe	b) màu vàng của quả chín.
3) vàng lịm	c) màu vàng đậm.
4) vàng ối	d) màu vàng của vật được phơi già nắng, tạo cảm giác giòn đến mức có thể gãy ra.
5) vàng giòn	e) màu vàng nhạt, tươi, ánh lên.

11*. Điền từ chỉ màu vàng vào chỗ trống :

- a) Lúa chín
- b) Nắng nhạt
- c) Chùm quả xoan
- d) Lá mít
- e) Tàu đu đủ, lá sắn héo
- g) Bụi mía
- h) Rơm và thóc
- i) Con gà, con chó

12. Hãy viết những hoạt động của con người trong bài đọc :

.....

13*. Nêu nội dung chính của bài văn :

.....

Tập làm văn



14. Đọc bài văn *Hoàng hôn trên sông Hương* (SGK, trang 11). Viết tiếp vào chỗ trống :

- a) Mở bài : Từ đầu đến
-
- b) Thân bài : từ *Mùa thu* đến.....
-
- c) Kết bài :

15*. So sánh thứ tự miêu tả trong bài *Hoàng hôn trên sông Hương* với thứ tự miêu tả trong bài *Quang cảnh làng mạc ngày mùa*.

Thứ tự miêu tả	Hoàng hôn trên sông Hương	Quang cảnh làng mạc ngày mùa
1
2
3
4

Luyện tập



16*. Đọc bài văn *Nắng trưa* (SGK, trang 12 - 13) và viết tiếp vào chỗ trống :

- a) Mở bài là câu văn đầu, nêu nhận xét chung về.....
-

- b) Thân bài gồm đoạn.
 Đoạn 1 từ *Buổi trưa ngồi trong nhà đến bốc lên mòi*, tả

 Đoạn 2 từ *Tiếng gà xa vắng đến hai mi mắt khép lại*, tả

 Đoạn 3 từ *Con gà nào đến bóng dưới cùm lộng im*, tả

 Đoạn 4 từ *Ấy thế mà đến cấy nốt thửa ruộng chưa xong*, tả

- c) Kết bài là câu văn cuối, nêu

Luyện từ và câu



17. Hãy ghép các tiếng sau vào các từ *xanh, đỏ, trắng, đen* để tạo thành những từ đồng nghĩa theo nhóm :

biếc	au	bùng	tinh	sì	toát
ối	ngắt	chói	láy	kịt	thắm
phau	muốt	rục	trẻo	ngắn	
xoá	lừ	muốt	chót	thui	

- a) trắng :

- b) đen :

- c) xanh :

- d) đỏ :

18. Đặt câu với 4 từ trong số các từ trong bài 17 :

-
-
-
-

19*. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ sau :

- a) mẹ :
- b) trái :
- c) vợ :
- d) gái :

Tập làm văn 

20. Đọc bài văn *Buổi sớm trên cánh đồng*. Nêu những sự vật được miêu tả trong buổi sớm mùa thu :

.....
.....

21. Viết tiếp vào chỗ trống :

Thông qua các giác quan, tác giả đã quan sát được các sự vật và cảm nhận được :

- a) Xúc giác (làn da) :
- b) Thị giác (mắt) :

22. Lập dàn ý bài văn tả cảnh đồng lúa quê em vào một buổi sáng đẹp trời bằng cách trả lời các câu hỏi sau :

- Em quan sát cánh đồng trong hoàn cảnh nào và vào mùa nào ?
- Cánh đồng có rộng không ? Cánh đồng trải từ đâu đến đâu ?
- Cánh đồng đang trồng lúa vụ nào ?

- Vùng trồng lúa là ruộng cạn hay ruộng sâu ? Lúa đang ở thời kì nào ? Các thửa ruộng lớn hay nhỏ ?
- Trên đồng có người làm việc không ? Họ đang làm gì ? Có loài vật gì trên đồng không ? Chúng đang làm gì ?
- Cảm nghĩ của em về cảnh vật và cuộc sống ở nơi đồng quê như thế nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

23. Lập dàn ý bài văn bằng cách tự đặt ra các câu hỏi :

- a) Tả cảnh đường phố vào buổi chiều.
- b) Tả sân trường buổi trưa.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



NGHÌN NĂM VĂN HIẾN

1. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống :

- a) là ngôi trường được coi là trường đại học đầu tiên của Việt Nam.
- b) Trong vòng 10 thế kỉ, các triều vua Việt Nam đã tổ chức được 185, lấy đỗ gần 3000

2. Nước ta bắt đầu mở khoa thi tiến sĩ từ năm nào ?

- a) Năm 1919.
- b) Năm 1779.
- c) Năm 1442.
- d) Năm 1075.

3. Các con số sau đây nói lên điều gì ?

- a) 185 :
- b) 1306 :
- c) 82 :

4*. Văn Miếu - Quốc Tử Giám có ý nghĩa như thế nào đối với nước ta ?

.....

.....

.....

.....



5. Ghi lại phần vần của những tiếng in đậm trong các câu sau :

Những hôm nào **trăng khuyết**

Trông giống **con thuyền** trôi

Em đi, trăng theo **bước**

Như muốn **cùng** đi chơi.

(Nhược Thủy)

6. Chép vần của từng tiếng vừa tìm được vào mô hình cấu tạo vần dưới đây :

Tiếng	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối
Những			
hôm			
trăng			
khuyết			
Trông			
con			
thuyền			
bước			
cùng			
chơi			

Luyện từ và câu



7. Khoanh vào từ không cùng nghĩa với các từ trong nhóm :

a) quê hương, quê mùa, quê quán, quê cha đất tổ, đất mẹ.

b) tổ tiên, tổ quốc, đất nước, giang sơn, non sông, nước nhà.

8*. Tìm 10 từ chứa tiếng *quốc* :

9*. Đặt câu với từ *quê hương* và 2 từ đồng nghĩa với từ đó :

Tập đọc



SẮC MÀU EM YÊU

10. Nối các từ ngữ ở cột A với các từ ngữ ở cột B :

A
1) Những màu sắc bạn nhỏ yêu là
2) Màu đỏ gợi ra các màu
3) Màu xanh gợi ra các màu
4) Màu vàng gợi ra các màu
5) Màu trắng gợi ra các màu
6) Màu đen gợi ra các màu
7) Màu tím gợi ra các màu
8) Màu nâu gợi ra các màu

B
a) màu của đồng bằng, rừng núi, biển cả và bầu trời.
b) màu của trang giấy, cửa đoá hoa hồng bạch, cửa mái tóc bà.
c) màu của hoa cà, hoa sim, màu chiếc khăn của chị, màu mực.
d) đỏ, xanh, vàng, trắng, đen, tím, nâu.
e) màu chiếc áo sần bạc của mẹ, màu đất đai, gỗ rừng.
g) màu của lúa chín, của hoa cúc mùa thu, của nắng.
h) màu của hòn than óng ánh, của đôi mắt em bé, của màn đêm yên tĩnh.
i) màu máu, màu cờ Tổ quốc, màu khăn quàng đội viên.

11. Viết lại những câu thơ tiêu biểu nói lên tình yêu quê hương của bạn nhỏ thể hiện qua tình yêu đối với các sắc màu :

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

12. Đặt 3 câu với 3 từ chỉ màu sắc trong bài thơ :

.....
.....
.....

Tập làm văn



13. Dựa vào bài văn *Rừng trưa* (SGK, trang 21) :

a) Lập dàn ý của bài văn.

Mở bài :

Thân bài :

.....

.....

.....

.....

.....

Kết bài :

.....

.....



b) Nêu những hình ảnh mà em thấy đẹp và có nhiều cảm xúc.

.....
.....
.....

14. Dựa vào bài văn *Chiều tối* (SGK, trang 22) :

a) Lập dàn ý của bài văn.

Mở bài :

.....

Thân bài :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Kết bài :

.....

.....

b) Nêu những hình ảnh mà em thấy đẹp và có nhiều cảm xúc.

.....

.....

.....

.....

.....

15. Viết đoạn văn tả cảnh dựa vào dàn ý đã lập ở tuần 1 :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Luyện từ và câu



16. Tìm từ đồng nghĩa với các từ sau :

- cha :
- ăn :
- tàu hoả :
- bé :
- tặng :

17*. Xếp các từ cho dưới đây thành những nhóm từ đồng nghĩa :

im lìm	thái	thay đổi	vắng lặng
cất	lay động	rung rinh	giữa
yên ả	đổi thay	gọt	đổi mới
đổi khác	rung động	yên tĩnh	lung lay

18*. Điền vào mỗi chỗ trống một từ thích hợp (chú ý dùng từ đồng nghĩa) :

- a) Cảnh đồng lúa quê em rộng Mỗi khi ngắm nhìn, em có cảm giác như đang đứng trước mặt biển
- b) Cảnh vật ban đêm có vẻ đẹp thật huyền ảo. Ánh đèn in trên mặt hồ. Trên trời, những vì sao đêm



LUYỆN TẬP LÀM BÁO CÁO THỐNG KÊ

19. Đọc bài *Nghìn năm văn hiến* và điền vào chỗ trống :

- a) Triều đại Trần có khoa thi ; tiến sĩ và trạng nguyên.
- b) Triều đại Nguyễn có khoa thi; tiến sĩ và trạng nguyên.
- c) Số bia và số tiến sĩ (từ năm 1442 đến khoa thi năm 1779) có tên khắc trên bia còn lại đến ngày nay : số bia là và số tiến sĩ có tên khắc trên bia là
- d) Các số liệu thống kê được trình bày dưới hai hình thức :

- Một là :
.....
.....

- Hai là :
.....
.....

20. Nêu tác dụng của các số liệu thống kê :

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

21*

a) Lập bảng thống kê dựa theo số sau :

Lớp 5A	Lớp 5B	Lớp 5C
HS giỏi : 27	HS giỏi : 23	HS giỏi : 24
HS tiên tiến : 12	HS tiên tiến : 15	HS tiên tiến : 18
HS trung bình : 1	HS trung bình : 4	HS trung bình : 3

b) Dựa vào bảng thống kê đã lập, điền vào chỗ trống :

- Lớp có số HS nhiều nhất là :
- Tổng số HS giỏi của cả ba lớp là :
- Số HS giỏi của ba lớp nhiều hơn số HS trung bình là :

.....
.....
.....

Tập đọc



LÒNG DÂN

1. Viết tiếp vào chỗ trống :

a) Đoạn kịch *Lòng dân* có nhân vật. Đó là :

.....
.....

b) Câu chuyện trong đoạn kịch xảy ra ở

.....
Hoàn cảnh đoạn kịch là

c) Dì Năm cứu giúp chú cán bộ bằng cách

.....

d*) Chi tiết kết thúc phần một vở kịch được coi là chi tiết thắt nút và hấp dẫn nhất, vì

.....

Chính tả



2. Chép vần của tiếng in đậm trong khổ thơ sau vào mô hình cấu tạo vần dưới đây :

Em yêu nhà em
Hàng xoan trước ngõ
Hoa xao **xuyến** nở
Như mây từng **chùm**.

(Tô Hà)

Tiếng	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối

3. Viết tiếp vào chỗ trống :

Dấu thanh trong một tiếng được đặt ở

.....

.....

Luyện từ và câu



MỞ RỘNG VỐN TỪ : NHÂN DÂN

4*. Tìm thêm từ ngữ cho các nhóm từ dưới đây :

- a) Chỉ các nghề nghiệp :
- b) Chỉ nơi làm việc :
- c) Chỉ phẩm chất tốt đẹp của người lao động :

5*. Tìm các từ ghép được cấu tạo theo các mẫu sau :

a) thợ + (M : thợ may).
.....
.....

b) + viên (M : giáo viên).
.....
.....

6. Tìm các thành ngữ :

a) Nói về tính chăm chỉ :

b) Nói về tính can đảm :

c) Nói về tinh đoàn kết :

7. Viết tiếp vào chỗ trống :

Theo truyện *Con Rồng cháu Tiên*, người Việt Nam ta gọi nhau là đồng bào vì

.....

.....

8. Nối các từ có tiếng **đồng** với lời giải thích.

1) đồng chí
2) đồng ca
3) đồng hành
4) đồng đội
5) đồng minh
6) đồng thanh
7) đồng loạt
8) đồng hương

a) cùng hát chung một bài
b) cùng một phía phối hợp hành động
c) cùng hát, nói
d) người cùng một chí hướng
e) cùng một loại, cùng một hạng hoặc cùng một lúc
g) người cùng chiến đấu
h) người cùng quê
i) cùng đi một đường



LÒNG DÂN (tiếp theo)

9. Nêu 3 chi tiết cho thấy dì Năm ứng xử rất thông minh :

- a)
- b)
- c)

10. Nhờ đâu mà chú cán bộ thoát khỏi nguy hiểm ?

- a) Chú dũng cảm, mưu trí.
- b) Chú được nhân dân hết lòng che chở và bảo vệ.
- c) Bọn lính ngu ngốc.



LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

11. Đọc bài văn *Mưa rào* (SGK, trang 31) và điền vào những chỗ trống trong dàn ý sau :

- a) Mở bài : Những dấu hiệu báo cơn mưa sắp đến
 - Mây :
 -
 - Gió :
 -
- b) Thân bài :
 - Tiếng mưa và hạt mưa từ lúc bắt đầu đến lúc kết thúc cơn mưa
 - + Tiếng mưa :
 -
 - + Hạt mưa :
 -
 - Cây cối, con vật, bầu trời trong và sau cơn mưa

+ Trong mưa :

+ Sau trận mưa :

c) Kết bài : Cảnh mưa tạnh

12. Tác giả đã quan sát cơn mưa rất tinh tế bằng nhiều giác quan. Nêu những điều tác giả cảm nhận được qua từng giác quan :

a) Bằng thị giác (mắt nhìn) :

b) Bằng thính giác (tai nghe) :

c) Bằng xúc giác (cảm giác của làn da) :

d) Bằng khứu giác (mũi ngửi) :

13. Lập dàn ý bài văn miêu tả một cơn mưa :

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....



LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA

14. Quan sát tranh trong SGK, trang 33 và nối các từ thích hợp với nhau :

- 1) đeo
- 2) xách
- 3) vác
- 4) khiêng
- 5) kẹp

- a) túi
- b) lều trại
- c) báo
- d) ba lô
- e) thùng

15. Điền các từ đã cho vào chỗ trống trong đoạn văn nói về các sắc màu đỏ :

(đỏ tươi, đỏ tía, đỏ hồng, đỏ ối, đỏ rực, đỏ au, đỏ thắm)

Trong các sắc màu, màu em thích nhất là màu đỏ. Đó là màu.....
 của máu trong tim ; màu của lá cờ Tổ quốc,
 màu của chiếc khăn quàng đội viên. Đó còn là màu
 của mặt trời sắp lặn, màu của bếp lửa,
 màu của đoá hoa mào gà, màu trên đôi
 má bé thơ.

16*. Tìm 2 - 3 thành ngữ nói về ý chí và lòng kiên trì :

.....



LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

17. Đọc các đoạn văn bạn Quỳnh Liên đã viết và xác định nội dung chính của từng đoạn :

- Đoạn 1 :

- Đoạn 2 :
-
- Đoạn 3 :
-
- Đoạn 4 :
-

18. Viết một đoạn văn tả cảnh cơn mưa :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tập đọc



NHỮNG CON SẾU BẰNG GIẤY

1. Viết tiếp vào chỗ trống :

- a) Cô bé Xa-xa-cô sinh sống tại
- b) Khi lâm bệnh nặng, Xa-xa-cô đã

2. Tại sao trẻ em nước Nhật và nhiều nơi trên thế giới gửi hàng nghìn con sếu bằng giấy đến cho Xa-xa-cô ?

- a) Mong muốn Xa-xa-cô khỏi bệnh.
- b) Bày tỏ nguyện vọng hoà bình.
- c) Bày tỏ tình đoàn kết với Xa-xa-cô.
- d) Tất cả các lí do trên.

3*. Viết một đoạn văn ngắn 5 - 7 câu về câu chuyện cô bé Xa-xa-cô :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



4. Chép vần của các tiếng in đậm trong các từ sau vào mô hình cấu tạo vần :

Phía đông nam rời rợi
 Ai đặt một **chiếc** nơm
 Rờ rờ ngôi sao Hôm
 Như đuốc đèn soi cá.

(Võ Quảng)

Tiếng	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối
Phía			
chiếc			

5*. Nêu điểm giống nhau và khác nhau giữa hai tiếng *Phía* và *chiếc* :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

6*. Viết tiếp vào chỗ trống.

a) Vị trí đặt dấu thanh trong tiếng *Phía* :

.....

b) Vị trí đặt dấu thanh trong tiếng *chiếc* :

.....

.....

.....

.....



BÀI CA VỀ TRÁI ĐẤT

10. Viết tiếp vào chỗ trống :

- a) Trái Đất thanh bình được miêu tả qua những hình ảnh
- b) Màu da mà tác giả nói đến trong bài là màu
- c) Để giữ hoà bình cho Trái Đất, chúng ta phải

Tập làm văn



LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

11. Lập dàn ý sau đó viết một bài văn miêu tả ngôi trường của em :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



LUYỆN TẬP VỀ TỪ TRÁI NGHĨA

12*. Điền từ trái nghĩa trong các câu thành ngữ, tục ngữ sau :

- a) Chân cứng, đá
- b) Đi, về xuôi.
- c) Khôn nhà, chợ.
- d) No dỗi, góp.
- e) thuận, dưới hoà.
- g) Trong ấm, êm

13. Đặt câu với các cặp từ trái nghĩa sau :

- a) khó - dễ

.....
.....

- b) nhỏ bé - to lớn

.....
.....

- c) vụng về - khéo léo

.....
.....

14*. Tìm 5 cặp từ trái nghĩa cho mỗi loại sau đây :

- a) Tả hành động :

- b) Tả trạng thái :

- c) Tả phẩm chất :



TẢ CẢNH

15. Viết 1 đoạn văn 5 - 7 câu tả ngôi nhà của em :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tập đọc



MỘT CHUYÊN GIA MÁY XÚC

1. Viết một đoạn miêu tả lại cảnh buổi sáng trên công trường :

.....

2. Điền các từ đã cho vào chỗ trống :

(thân mật, vàng óng, cao lớn, khoẻ, chất phác, chắc, giản dị)

Anh A-lếch-xây có vóc người....., mái tóc.....

....., thân hình..... và.....

....., khuôn mặt....., tất cả gợi lên những nét.....

..... và.....

3. Qua cuộc gặp gỡ giữa hai người thợ, tác giả muốn diễn tả điều gì ?

.....

Chính tả



4.

a) Tìm các tiếng chứa **ua, uô** trong bài đồng dao.

Con ơi mẹ bảo đây này

Học buồn học bán cho tay người ta.

Con đừng học thói chua ngoa

Họ hàng ghét bỏ người ta chê cười.

- Tiếng chứa *ua* :
- Tiếng chứa *uô* :
- b*) Viết tiếp vào chỗ trống :
 - Trong các tiếng có *ua* (tiếng không có âm cuối), dấu thanh đặt ở
 - Trong các tiếng có *uô* (tiếng có âm cuối), dấu thanh đặt ở

5*. Điền vần chứa *uô* hoặc *ua* thích hợp (có dấu) với mỗi chỗ trống trong các thành ngữ dưới đây !

- Được mùa l....., úa m..... cau.
- Vắng như ch..... Bà Đanh
- Đi như lồi, ngồi như b.....c
- Th.....c đấng dã tật.

Luyện từ và câu



MỞ RỘNG VỐN TỪ : HOÀ BÌNH

6. Các từ này có thể chia thành mấy nhóm ? Dựa vào đâu để có thể chia được như vậy ?

hoà mạng	hoà đồng	hoà hợp
hoà tấu	hoà tan	hoà hảo
hoà âm	hoà quyện	hoà giải

Ê-MI-LI, CON

7. Ghi lại những tên riêng được nhắc đến trong bài thơ :

.....

8. Nêu những hình ảnh cho thấy tội ác của chính quyền Mĩ ở Việt Nam :

.....

9. Viết tiếp vào chỗ trống :

a) Chú Mo-ri-xơn tự thiêu vì

.....

b) Hành động cao đẹp của chú Mo-ri-xơn khiến mọi người hết sức xúc động và khâm phục vì

.....

Tập làm văn 

LUYỆN TẬP LÀM BÁO CÁO THỐNG KÊ

10.

a) Lập bảng thống kê số điểm hai môn Toán và Tiếng Việt của em trong tháng vừa qua theo mẫu.

	Dưới trung bình (dưới 5 điểm)	Trung bình (từ 5 - 6 điểm)	Khá (từ 7 - 8 điểm)	Giỏi (từ 9 - 10 điểm)
Toán				
Tiếng Việt				

b) Nhận xét :

Trong tháng vừa qua, em học môn nào tốt hơn ?

.....

Luyện từ và câu



TỪ ĐỒNG ÂM

11. Điền vào chỗ trống :

Từ đồng âm là những từ giống nhau về..... nhưng khác hẳn nhau về

12. Tìm từ đồng âm trong các câu ca dao sau. Phân biệt nghĩa của những từ đồng âm đó :

- a) Cái ngủ mày ngủ cho lâu
Mẹ mày đi cấy đồng sâu chưa về.
- b) Chì khoe chì nặng hơn đồng
Sao chì chẳng đúc nên cồng, nên chuông.
- c) Chị em nắm nem ba đồng
Muốn ăn thì trả sáu đồng mà ăn.

.....
.....
.....
.....

13*. Khoanh vào các từ đồng âm và phân biệt ngắn gọn.

- a) Cậu bé đá viên đá.

.....
.....

- b) Chúng tôi ngồi vào bàn để bàn việc.

.....
.....

SỰ SỤP ĐỔ CỦA CHẾ ĐỘ A-PÁC-THAI

1. Viết tiếp vào chỗ trống :

- a) Nam Phi là nước nổi tiếng nhiều
 nhưng cũng nổi tiếng về
- b) Nạn phân biệt chủng tộc khiến người da đen
-
-

2. Cuộc đấu tranh chống chế độ a-pác-thai được đông đảo mọi người trên thế giới ủng hộ vì những lí do nào ?

- a) Vì những người yêu chuộng hoà bình và công lí không thể chấp nhận một chính sách phân biệt chủng tộc dã man, tàn bạo như chế độ a-pác-thai.
- b) Vì mọi người sinh ra dù màu da khác nhau nhưng đều là con người. Không có màu da cao quý và màu da thấp hèn.
- c) Vì chế độ a-pác-thai là chế độ xấu xa nhất hành tinh, cần phải xoá bỏ để tất cả mọi người thuộc mọi màu da đều được bình đẳng.
-
-
-

Chính tả

3.

- a) Gạch chân tiếng có *ư*a hoặc *ư*ơ trong khổ thơ sau đây :

Nước

Đứng trong chậu thì mềm
Rửa bàn tay sạch quá
Vào tủ lạnh hoá đá
Rắn như đá ngoài đường.
Sùng sục trên bếp đun
Nào tránh xa, kéo bỏng.
Bay hơi là nhẹ lắm
Lên cao làm mây trôi
Đi xa muốn về chơi
Thành hạt mưa rơi xuống
Tươi mát vườn, mát ruộng
Mơn mớn mầm cây lên,
Đứng trong chậu thì mềm...

(Vương Trọng)

- b) Điền vào chỗ trống trong nhận xét về cách ghi dấu thanh ở các tiếng đó.
- Trong tiếng *rửa* (không có âm cuối), dấu thanh đặt ở của âm chính.
 - Trong tiếng *Nước, đường, tươi* (có âm cuối), dấu thanh đặt ở của âm chính.

4*. Sắp xếp các tiếng in đậm trong đoạn thơ sau thành hai cột theo vị trí dấu thanh ở âm chính :

- a) Mưa nắng bắc cầu vòng
Ai đi đâu, về đâu ?
Không thấy sông dưới cầu
Chỉ mênh mông đồng **lúa**.

(Phạm Hồ - Cầu vòng)

- b) Vầng trăng như **lười** liềm
Ai bỏ quên giữa ruộng
Hay bác Thần Nông **mượn**
Của mẹ em lúc chiều ?

(Nguyễn Hưng Hải - Trăng lười liềm)

Tiếng	Vị trí dấu thanh	
	Ở chữ cái đầu ghi âm chính	Ở chữ cái thứ hai ghi âm chính

Luyện từ và câu



MỞ RỘNG VỐN TỪ : HỮU NGHỊ - HỢP TÁC

5. Nối từ ở cột A với nghĩa thích hợp ở cột B :

A
1) hữu dụng
2) chiến hữu
3) bạn hữu
4) hữu hiệu
5) hữu tình

B
a) bạn chiến đấu
b) có hiệu quả
c) có sức hấp dẫn, gợi cảm ; có tình cảm
d) dùng được việc
e) bạn bè thân thiết

6. Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống :

(hợp tuyến, hợp lí, hợp tác, hợp tình, hữu nghị)

- a) Hai công ti với nhau trong kinh doanh.
- b) Bộ thơ văn thời Lê.
- c) Tìm ra cách giải quyết vừa....., vừa
- d) Nhân dân và chính phủ hai nước gìn giữ và phát triển tình

7*. Viết một đoạn văn ngắn nói về tình hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới, trong đó có sử dụng thành ngữ về tình hữu nghị :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tập đọc 

TÁC PHẨM CỦA SI-LE VÀ TÊN PHÁT XÍT

8. Câu chuyện xảy ra ở đâu, bao giờ ?

- a) Ở Pháp, trong thời gian Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng.
- b) Trên một chuyến tàu ở Pa-ri, trong thời gian Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng.
- c) Ở Pa-ri, trong thời gian phát xít Đức chiếm đóng Pháp.

9. Ngụ ý lời đáp của ông cụ ở cuối truyện là gì ?

.....

10*. Nêu ý nghĩa của truyện :

.....

.....

.....

.....

.....



LUYỆN TẬP LÀM ĐƠN

11. Nêu những nội dung cần có trình bày đơn :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Luyện từ và câu



DÙNG TỪ ĐỒNG ÂM ĐỂ CHƠI CHỮ

12*. Các câu sau đã sử dụng những từ đồng âm nào để chơi chữ và giải thích từ đó ?

- a) Trùng trục như con bò thui
Chín tai, chín mắt, chín đuôi, chín mồm.
Là con gì ?.....

.....

.....

.....

- b) Một trăm thứ dầu, dầu chi là dầu không thấp ?
Một trăm thứ bắp, bắp chi là bắp không rang ?
Một trăm thứ than, than chi là than không quạt ?
Một trăm thứ bạc, bạc chi là chẳng ai mua ?
Trai nam nhi anh đối đặng thì gái bốn mùa xin theo.

Một trăm thứ dầu, dầu xoa không ai thấp.
Một trăm thứ bắp, bắp chuối thì chẳng ai rang.
Một trăm thứ than, than thân là than không ai quạt.
Một trăm thứ bạc, bạc tình bán chẳng ai mua.

.....
.....
.....
.....

Tập làm văn



LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

13. Đọc hai đoạn văn a và b (SGK, trang 62) :

a)

- Câu nào trong đoạn a nói rõ đặc điểm của biển ?

.....
.....

- Tác giả đã quan sát những gì và vào những thời điểm nào ?

.....
.....

- Những liên tưởng của tác giả có tác dụng gì ?

.....
.....

b)

- Tác giả quan sát con kênh vào những thời điểm nào ?

.....
.....

- Những câu văn nào thể hiện liên tưởng của tác giả ?

.....
.....

14. Lập dàn ý bài văn miêu tả cảnh một dòng sông hoặc bãi biển :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



Tập đọc



NHỮNG NGƯỜI BẠN TỐT

1. Thủy thủ trên tàu đã làm gì đối với nghệ sĩ A-ri-ôn ?

.....

2. A-ri-ôn đã thoát khỏi nguy hiểm như thế nào ?

.....

3*. Nêu ý nghĩa câu chuyện :

.....

Chính tả



4. Điền vào chỗ trống : vẫn có nguyên âm đôi *ia* hay *iê* ?

Trông k.....đàn k.....,

Nó bò lên cao,

Sắp có mưa rào,

K.....đi ẩn đấy.

(Nhược Thủy - Đàn kiến)



TỪ NHIỀU NGHĨA

5*. Đặt 2 câu, 1 câu có từ được dùng theo nghĩa gốc và 1 câu có từ được dùng theo nghĩa chuyển :

-
-



TIẾNG ĐÀN BA-LA-LAI-CA TRÊN SÔNG ĐÀ

6. Viết tiếp vào chỗ trống :

- a) Khổ đầu bài thơ miêu tả cảnh
-
-
-
-
- b) Những chi tiết gợi hình ảnh đêm trăng vừa tĩnh mịch vừa sinh động
-
-
-
-
- c*) Câu thơ "Biển sẽ nằm bờ ngõ giữa cao nguyên" nói lên
-
-
-
-



LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

7. Trình bày bố cục của bài *Vịnh Hạ Long* : các phần mở bài, thân bài (gồm các đoạn của thân bài và ý mỗi đoạn), kết bài :

.....

.....

.....

.....

.....

Luyện từ và câu



LUYỆN TẬP VỀ TỪ NHIỀU NGHĨA

8. Tìm ở cột B lời giải nghĩa thích hợp cho từ *đứng* trong mỗi câu ở cột A.

A	B
1) Hoa đứng chờ xe buýt.	a) tự đặt mình vào một vị trí, một trách nhiệm nào đó
2) Giám đốc đứng đầu một công ti.	b) điều khiển ở tư thế đứng
3) Người thanh niên đứng ra bảo vệ đứa trẻ.	c) ở vào một vị trí nào đó
4) Trời đứng gió.	d) ở tư thế thân thẳng, chân đặt trên mặt nền, chống đỡ toàn thân (người, động vật).
5) Cô công nhân đứng một lúc 4 máy.	e) ở vào trạng thái ngừng chuyển động, phát triển.

9*. Tìm từ có thể thay thế từ *ăn* trong các câu sau :

- a) Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau (Tục ngữ)
- b) Loại xe máy này rất ăn xăng.
- c) Đứng đi chơi về muộn kéo bị ăn đòn.
- d) Khuôn mặt rất ăn ảnh.
- e) Một đô-la ăn bao nhiêu đồng Việt Nam ?
- g) Hồ dán không ăn.
- h) Cá không ăn muối, cá ươn (Tục ngữ).



KÌ DIỆU RỪNG XANH

1. Nối các từ ngữ ở cột A với cột B :

A
1) Những cây nấm được tác giả ví với
2) Những con vượn bạc má
3) Những con chồn sóc
4) Mấy con mang vàng

B
a) ôm con chuyển cảnh nhanh như chớp.
b) đang ăn cỏ non, giẫm những chiếc chân vàng trên thảm lá vàng.
c) một thành phố của người tí hon với những đền đài, miếu mạo, cung điện.
d) với chùm lông đuôi to đẹp vút qua.

2. Sau khi đọc đoạn văn trên, em có cảm nghĩ gì ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



3.

a) Điền dấu thanh vào vị trí thích hợp cho tiếng in đậm trong đoạn thơ sau :

Giữa dòng bàn bạc việc quân
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy **thuyền**.

(Hồ Chí Minh - *Rằm tháng giêng*,

bản dịch của Xuân Thủy)

b) Dấu thanh được đặt ở chữ cái nào của âm chính ?

4*. Tìm 2 từ có tiếng chứa ya.

.....
.....
.....
.....



MỞ RỘNG VỐN TỪ : THIÊN NHIÊN

5*. Tìm thêm 3 - 5 từ cùng nhóm :

- a) bao la,
- b) thăm thẳm,
- c) chót vót,

6. Đặt câu với các từ sau :

- a) rì rào :
- b) lặn tẩn :
- c) cuộn cuộn :



TRƯỚC CỔNG TRỜI

7. Địa điểm được nói đến trong bài thơ có gì đặc biệt khiến cho nó có tên là *Cổng trời*?

.....
.....
.....
.....

8*. Dựa vào bài thơ, viết một đoạn văn miêu tả cảnh vật thiên nhiên và hoạt động của con người ở vùng núi :

.....
.....
.....
.....



LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

9. Viết một đoạn văn 5 - 7 câu tả một cảnh đẹp ở địa phương em hoặc một cảnh đẹp mà em đã từng tham quan.

.....
.....
.....
.....
.....
.....



LUYỆN TẬP VỀ TỪ NHIỀU NGHĨA

10. Trong các từ in đậm sau đây, những từ nào là từ đồng âm, những từ nào là từ nhiều nghĩa ?

a) mũi

- Thuốc nhỏ **mũi**. (1)
- “Tổ quốc tôi như một con tàu
Mũi thuyền ta đó - **mũi** Cà Mau”. (2)
- Đường kim **mũi** chỉ. (3)

b) bay

- Đàn chim **bay** về phương Nam tránh rét. (1)
- Chú thợ nề cầm **bay** trát tường. (2)
- Mưa **bay** rào rào. (3)
- Chiếc khăn đã **bay** màu. (4)

c) buông

- **Buông** phổi (1)
- “Ai về tôi gửi **buông** cau
Buông trước kính mẹ, **buông** sau kính thầy.” (2)
- Nhà anh chỉ có một gian
Nửa thì làm bếp, nửa toan làm **buông**.” (3)

11. Xác định nghĩa của từ in nghiêng trong các kết hợp từ dưới đây, rồi phân chia các nghĩa ấy thành nghĩa gốc và nghĩa chuyển :

- a) ngựa *sắt*, có công mài *sắt* có ngày nên kim, kỉ luật *sắt*.
- b) no *bụng* đói con mắt, *bụng* bảo dạ, suy *bụng* ta ra *bụng* người.
- c) vắt áo lên *vai*, kể *vai* sát cánh, áo sờn *vai*, *vai* diễn.

.....

.....

.....

.....

.....

12. Đặt câu để phân biệt các nghĩa sau của từ *xuân* :

a) Mùa đầu tiên của một năm.

b) Chỉ tuổi trẻ, sức trẻ.

c) Chỉ một năm.

Tập làm văn



LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

(dựng đoạn mở bài, kết bài)

13. Nối các từ ngữ ở cột A với các từ ngữ ở cột B :

A
1) Mở bài trực tiếp là
2) Mở bài gián tiếp là
3) Kết bài không mở rộng là
4) Kết bài mở rộng là

B
a) nói chuyện khác để dẫn vào chuyện (hoặc đối tượng) định kể (định tả).
b) sau khi cho biết kết cục, có lời bình luận thêm.
c) kể ngay vào việc (bài văn kể chuyện) hoặc giới thiệu ngay đối tượng được tả (bài văn miêu tả).
d) cho biết kết cục, không bình luận thêm.

CÁI GÌ QUÝ NHẤT ?

1. Viết tiếp vào chỗ trống :

a) Theo Hùng, thứ quý nhất trên đời là

vì

.....

.....

b) Theo Quý, thứ quý nhất trên đời là

vì

.....

.....

c) Theo Nam, thứ quý nhất trên đời là

vì

.....

.....

2*. Có bạn đặt tên khác cho câu chuyện là : Cuộc tranh luận thú vị. Theo em, tên này có hợp lí không ? Vì sao ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....



3. Điền vào ô trống từ ngữ chứa tiếng cùng dòng tương ứng :

Tiếng	Từ ngữ	Tiếng	Từ ngữ
nê		nơ	
lê		lơ	
nô		nên	
lô		lên	

4*. Điền vào chỗ trống : *n* hay *ng* ?

chờ.....	vờ.....	luố.....	cuố.....	bế.....	lê.....
tả.....	mát.....	tả.....	ngả.....	sá.....	lá.....
lá.....	má.....	lủ.....	mủ.....	tha.....	vã.....

5. Tìm 10 từ :

a) Láy âm đầu *l* :

.....

.....

.....

.....

b) Láy vần có âm cuối *ng* :

.....

.....

.....

.....

.....



MỞ RỘNG VỐN TỪ : THIÊN NHIÊN

6. Đọc mẫu chuyện *Bầu trời mùa thu* và điền các từ ngữ miêu tả bầu trời vào chỗ trống :

- Từ ngữ thể hiện sự so sánh :
-
- Từ ngữ thể hiện sự nhân hoá :
-

7. Viết một đoạn văn khoảng 5 - 7 câu tả một cảnh đẹp (ngọn núi, cánh đồng, công viên, vườn cây, cây cầu, dòng sông, hồ nước)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tập đọc



ĐẤT CÀ MAU

8. Nêu những tên cây cối ở Cà Mau :

.....

.....

9. Câu nào cho thấy đất Cà Mau xưa rất hoang dã ?

.....

.....

10. Hãy đặt tên cho mỗi đoạn văn :

- Đoạn 1 :
- Đoạn 2 :
- Đoạn 3 :

Tập làm văn



LUYỆN TẬP THUYẾT TRÌNH, TRANH LUẬN

11. Theo em, khi tham gia thuyết trình, tranh luận, cần có những điều kiện cơ bản nào ? Vì sao ?

.....
.....
.....
.....

12*. Có người cho rằng : Trong thuyết trình và tranh luận, nên nói theo ý kiến của số đông. Em nghĩ sao về điều này ?

.....
.....
.....
.....
.....

Luyện từ và câu



ĐẠI TỪ

13. Gạch dưới các đại từ trong các bài ca dao sau :

- a) Ai đi đường ấy mặc ai
Ta về cấy lúa, trồng khoai, trồng cà.
- b) Ai về tôi gửi bổng cau
Bổng trước kính mẹ, bổng sau kính thầy.

- c) Bạn về ta chẳng dám cầm
 Dang tay đưa bạn, ruột bằm như dưa.
- d) Cái kiến mà ở trong nhà
 Tao đóng cửa lại mà ra đàng nào ?
 Con cá mà ở dưới ao
 Tao tát nước vào mà sống được chăng ?

14. Gạch chân các đại từ được dùng trong đoạn văn sau :

Trong một khu vườn nọ có một cây táo sai trĩu quả. Hằng ngày, lũ trẻ thường đến nô đùa xung quanh cây táo và hái những quả táo thơm ngon trên cành cùng chia nhau ăn.

Ngày nọ, có một cậu bé xuất hiện. Cậu bé nói :

- Cây táo này là của tôi. Các cậu đi chỗ khác ngay !

Còn lại một mình, cậu bé trèo lên cây và định hái táo để ăn. Nhưng mỗi khi tay cậu bé sắp chạm vào một quả táo thì cành táo lại quay đi chỗ khác và quả táo lại rơi vào trong cái hốc to tướng ở thân cây.

Cậu bé ngồi dưới gốc cây và khóc. Một ông cụ hiện ra và cất tiếng hỏi :

- Tại sao cháu khóc ?

Cậu bé mếu máo trả lời :

- Ông ơi, cháu đói quá ! Thế mà cây táo chẳng cho cháu hái quả nào !

Ông cụ cười và nói :

- Các bạn cũng muốn ăn táo nhưng cháu đã đuổi tất cả các bạn, như vậy, cháu có ích kỷ không ?

Cậu bé ân hận nói :

- Vâng ạ, cháu biết lỗi rồi !

(Theo truyện *Cây táo thần*)

15. Dùng đại từ ở những chỗ thích hợp để thay thế cho danh từ bị lặp lại nhiều lần trong mẩu chuyện sau :

Ngày xưa, có một cậu bé lên sáu tuổi rồi mà vẫn bé tí ti, bé chỉ bằng ngón tay cái thôi, cho nên ai cũng gọi là cậu bé Tí Hon.

Nhà Tí Hon nghèo lắm. Bố mẹ Tí Hon phải đi chăn trâu thuê cho địa chủ mà vẫn không có cơm ăn cho đủ no, áo mặc cho đủ ấm. Tí Hon rất thương bố mẹ, Tí Hon chỉ muốn đi làm đỡ bố mẹ.

(Theo *Truyện cổ Trung Quốc*)

.....



LUYỆN TẬP THUYẾT TRÌNH, TRANH LUẬN

16*. Dựa vào ý kiến của các nhân vật trong đoạn trích mẫu chuyện *Ai quan trọng hơn ?*, em hãy mở rộng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết trình, tranh luận :

Hôm nay là ngày nghỉ, cậu chủ được bố mẹ cho đến nhà ông bà ngoại chơi. Trước khi đi, cậu vẫn còn điều khiển cái ô tô chở khách mà cậu thích. Vì thế, khi cậu đi rồi mới xảy ra một cuộc tranh cãi giữa các loại phương tiện giao thông xem ai quan trọng hơn.

Ô Tô chở khách vênh mặt nói :

- Tôi quan trọng nhất vì tôi chở được nhiều người, tôi đi xa cũng được, đi gần cũng được. Tôi chạy lại nhanh chứ không chậm như bạn xe đạp.

Tàu Thủy cãi :

- Tôi còn chở được nhiều hơn cả bạn. Tôi còn có cả những căn phòng nhỏ để hành khách thấy thoải mái như ở nhà. Đường của chúng tôi rộng hơn, thoáng mát hơn, không sợ bị tắc nên mọi người không bị hít khói như xe của bạn.

Máy Bay thì bĩu môi dè bĩu :

- Ô Tô, Tàu Thủy đã nhanh bằng tôi chưa mà cứ đòi tranh cãi ? Này nhé, 7 giờ sáng tôi còn ở Hà Nội, vậy mà chỉ đến 9 giờ sáng tôi đã ở trong thành phố Hồ Chí Minh rồi. Còn các bạn phải chạy ít nhất cũng mất 2 ngày.

Xe Máy có vẻ điềm tĩnh hơn :

- Ừ, các bạn cũng nhanh và chở được nhiều thật đấy. Nhưng tôi mới là phương tiện mà mọi người cần đến nhiều nhất. Ông bà chủ đây ngày nào cũng cần tôi để đi làm, còn các bạn, chẳng mấy khi được ông bà chủ dùng đến.

Xe Đạp từ nãy giờ vẫn im lặng thu mình trong một góc, bây giờ mới lên tiếng :

- Tôi tuy chậm thật đấy, nhưng tôi lại giúp cho mọi người luyện tập thể dục thể thao để có sức khỏe tốt. Còn các bạn chỉ làm cho mọi người lười biếng đi mà thôi.

(Sưu tầm)



ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

1. Lập bảng thống kê các bài văn đã học từ tuần 1 đến tuần 9 :

Chủ điểm	Tên bài	Tên tác giả
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Ghi lại nội dung một bài văn mà em thấy ấn tượng nhất :

.....
.....
.....

3*. Sắp xếp các từ và thành ngữ, tục ngữ về các chủ điểm đã học vào bảng

Chủ đề 1 : uống nước nhớ nguồn, Tổ quốc, quê cha đất tổ, vẻ vang, giang sơn gấm vóc, giữ gìn, bảo vệ, quốc gia, quê mẹ, giàu đẹp, kiến thiết, đồng bào, anh dũng, công nhân, kiên cường.

Chủ đề 2 : trái đất, vui vầy, chia ngọt sẻ bùi, cuộc sống, nối vòng tay lớn, hợp tác, tình hữu nghị, vui như mở hội, thái bình, tự do, bình yên.

Chủ đề 3 : biển cả, chinh phục, bầu trời, lao động, núi đồi, nương rẫy, hùng vĩ, tô điểm, sông ngòi, bão táp mưa sa, khắc nghiệt, muôn hình muôn vẻ, bao la.

Hãy lập bảng từ ngữ theo mẫu sau :

	Việt Nam - Tổ quốc em	Cánh chim hoà bình	Con người với thiên nhiên
Danh từ			
Động từ			
Tính từ			
Thành ngữ, Tục ngữ			

4*. Viết tên nhân vật trong vở kịch *Lòng dân* đúng với tính cách :

a) Thông minh, nhanh trí, biết làm cho kẻ địch không nghi ngờ :

.....

b) Hống hách :

c) Xảo quyệt, vùi vĩnh :

.....

d) Bình tĩnh, nhanh trí, khôn khéo, dũng cảm bảo vệ cán bộ :

.....

e) Bình tĩnh, tin tưởng vào lòng dân :

5. Xếp các từ đồng nghĩa thành nhóm với nhau

bạo dạn	rảnh rỗi	gộp ghềnh	thanh nhàn
lưu thông	dạn dĩ	rảnh rang	gỗ gề
khấp khểnh	lỗi lôm	gọn ghẽ	thông suốt
gọn gàng	thư nhàn	mạnh bạo	rối rã

.....
.....
.....
.....

6. Chọn 1 từ trái nghĩa để điền vào mỗi chỗ trống

- (dài, bất nghĩa, thanh nhân, hiền, thơm, vui)
- a) Lươn ngắn mà chề trạch.....
Thờn bơn méo miệng chề trai lệch mồm.
- b) Chuột chù chề khỉ rằng hôi
Khỉ mới trả lời cả họ mày
- c) Ở thì lại gặp lành
Ở ác gặp dữ tan thành ra tro
- d) Người đời ai khỏi gian nan
Gian nan có thuở có khi.
- e) Thuyền rồng thả trôi
Thuyền nan có nghĩa ta ngồi thuyền nan.
- g) Ai buồn ai khóc thiết tha
Tôi tui cũng chan hoà giọt châu.

7*. Phân tích cách chơi chữ bằng từ đồng âm trong hai câu ca dao sau :

- a) Chị Xuân đi chợ mùa hè
Mua cá thu về chợ hầy còn đông.
-
.....

- b) Anh Hươu đi chợ Đồng Nai
Bước qua Bến Nghé ngồi nhai thịt bò.
-
.....

Tập đọc 

CHUYỆN MỘT KHU VƯỜN NHỎ


1. Nối tên loài cây với đặc điểm của chúng :

1) Cây quỳnh
2) Cây hoa ti-gôn
3) Cây hoa giấy
4) Cây đa Ấn Độ

a) thò những cái râu, theo gió ngo nguậy như những cái vòi voi bé xíu.
b) bị vòi ti-gôn quấn nhiều vòng.
c) bật ra những búp đỏ hồng nhọn hoắt, xoè những lá nâu rõ to.
d) lá dày, giữ được nước.

2*. Tìm thành ngữ trong mẫu chuyện thể hiện ý : Nơi tốt đẹp, thanh bình sẽ có chim về đậu :

.....

Chính tả 

3. Điền vào chỗ trống : / hay n ?

- Buổi sớmúc sương tan
- Bờ treàngấpánh
- Đổại đàn cò trắng
- Tre nhưở bùng hoa

Sáo sậuổi hát ca
Tre rung rinh trời sáng.

(Võ Quảng - *Bờ tre làng*)

4*. Điền âm cuối *n* hay *ng* vào chỗ trống trong các câu ca dao, tục ngữ sau :

- Sớ..... to gió lở.....
- Ví dầu cầu vá..... đó..... đình
Cầu tre lắt léo gập ghềnh khó đi.
- Vất vả có lúc thanh nhàn.....
Khô..... dư..... ai dễ cầm tà..... che cho.
- Râu tôm nấu với ruột bầu
Chồng..... cha..... vợ húp gật đầu khe..... ngo.....

Luyện từ và câu



ĐẠI TỪ XƯNG HÔ

5. Gạch chân các đại từ trong đoạn văn sau :

Ông tôi có nuôi một con nhông. Con nhông đẹp lạ lắm. Nó như một cô công chúa khoác chiếc áo choàng đen, ấy là bộ lông mượt mà của nó, từ mí mắt kéo đến cổ nó là một đường vàng hình lưỡi câu. Viên quanh cổ là một đường màu trắng, như công chúa quấn qua cổ chiếc khăn bằng lông cừu, mỏ vàng và đôi chân cũng vàng. Ông tôi vốn là một thợ mộc, cho nên cái lồng của nó như một cái lâu đài. Con nhông lúc nào cũng vui tươi, nhảy nhót trong chiếc lồng lộng lẫy treo trước hiên nhà. Vừa đẹp, lại vừa biết nói, nó là niềm vui của cả xóm, không chỉ cho trẻ con mà cho cả người lớn. Thấy có người thoáng qua, nó cất tiếng : “Chào khách”. Khi người dừng lại trước mặt nó, nó hỏi : “Khỏe không?”. Ai hỏi gì thì nó dạ. Nó bắt chước giọng ông, nó gọi bà : “Em ơi, em”. Nó bắt chước giọng bà, nó gọi ông : “Anh ơi, anh”. Trong nhà đang nói chuyện, bỗng chợt nghe tiếng cười, nó cười : “Khặc khặc” y như giọng cười của ông. Thỉnh thoảng nó lại cất tiếng : “Thôi, thôi thôi” nghe như lời can gián thiết tha của một cô gái.

(Nguyễn Quang Sáng - *Con chim quên tiếng hót*)

6*. Điền vào bảng các từ thích hợp.

Đối tượng	Gọi	Tự xưng
Thầy, cô		
Bố, mẹ		
Anh, chị		
Bạn bè		
Em		

Tập đọc



TIẾNG VỌNG

7. Nêu những chi tiết cho thấy con chim sẻ nhỏ chết trong hoàn cảnh đáng thương :

.....
.....
.....
.....

8. Vì sao tác giả lại đặt tên bài thơ là *Tiếng vọng* ?

.....
.....
.....
.....

9*. Nêu ý nghĩa của bài thơ :

.....
.....
.....
.....

b) Căng lều trên núi, cọc không có tác dụng, dây thì rất lợi hại. Có thể buộc vào bất cứ mỏm đá nào nhô ra. Bọn trẻ dựng lều khá nhanh đẹp.

c) Có thể đi đường mệt, đặt lưng xuống là các em ngủ ngay hôm nay dậy rất sớm.

d) Một điều không ai tưởng tượng được là ông Từ cũng tham gia sinh hoạt. Sáng trăng. Ông Từ đứng ở thềm đền. Bộ quần áo nâu nhúng bùn cứng mo nang. Ông có cái giọng nặng nề, hơi ngọng người vùng biển. Từ thời niên thiếu ông đã ở trong các chùa chiền, như vậy là cả cuộc đời ông gắn bó nhà chùa.

(Đặng Ái - Có một mùa hè)

Tập làm văn



LUYỆN TẬP LÀM ĐƠN

12. Em hãy viết đơn xin gia nhập câu lạc bộ cờ vua/bóng đá/bóng bàn mà em yêu thích.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tập đọc



MÙA THẢO QUẢ

1. Trong đoạn đầu, tác giả đã nhấn mạnh mùi hương đặc biệt của thảo quả bằng cách gì ?

.....

2*. Nêu đặc điểm của câu 2 và các câu sau trong đoạn đầu. Thử giải thích vì sao tác giả viết như vậy ?

.....

3*. Viết những điều cảm nhận của em sau khi đọc bài văn :

.....

Chính tả



4*. Sắp xếp các từ đã cho vào bảng :

(sâu sắc, xổ số, sơ sơ, xú số, xác xơ, sơ xuất, su su, sơ sài, xơ xác, sơ sinh, son sắt, xun xoe, so sánh, sợ sệt, xoắn xuýt, sơ sẩy, sóng sánh, xôn xao, sản xuất, xuýt xoa, sạch sẽ, sạch sành sanh, xó xĩnh, sai sót)

Từ có một tiếng chứa s và một tiếng chứa x	Từ có các tiếng chứa s	Từ có các tiếng chứa x
Sản xuất,	su su,	xó xỉnh,

5. Tìm từ láy dựa theo những khuôn vần và tiếng đã cho :

a) Khuôn vần an - át :

mát → man mát	sát →
ngát →	chát →

b) Khuôn vần ôn - ôt :

sột →	một →
dốt →	tốt →

c) Khuôn vần un - ut :

vụt →	vút →
ngụt →	chụt →

d) Khuôn vần ang - ac :

khác →	cạc →
bạc →	nhác →

e) Khuôn vần *ông - ôc* :

xộc →	tốc →
cốc →	cộc →

g) Khuôn vần *ung - uc* :

sục →	nhúc →
khục →	trục →

Luyện từ và câu



MỞ RỘNG VỐN TỪ : BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

6. Điền từ ngữ dựa vào lời giải thích nghĩa :

- a) Khu vực trong đó có các loài cây, con vật và cảnh quan thiên nhiên được bảo vệ, gìn giữ lâu dài :
- b) Khu vực dành cho nhân dân ăn ở, sinh hoạt :
- c) Khu vực làm việc của nhà máy, xí nghiệp, :

7*. Đặt câu với các từ : bảo vệ, bảo toàn, bảo tồn, bảo hiểm, bảo quản, bảo tàng :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



HÀNH TRÌNH CỦA BẦY ONG

8. Chép lại đoạn thơ đầu tiên và gạch dưới các từ ngữ nói lên hành trình vô tận của bầy ong :

.....
.....
.....
.....

9. Nối tên các loài hoa với các nơi loài ong đến :

1) hoa chuối, hoa lan
2) loài hoa của cây chần bèo
3) loài hoa không tên

a) nơi bờ biển sóng tràn
b) nơi quần đảo
c) nơi thăm thẳm rừng sâu

10*. Nêu ý nghĩa của bài thơ :

.....
.....
.....



CẤU TẠO CỦA BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

11. Lập dàn ý chi tiết cho bài văn tả bố hoặc mẹ em :

.....
.....
.....
.....

Luyện từ và câu



LUYỆN TẬP VỀ QUAN HỆ TỪ

12. Điền quan hệ từ thích hợp vào chỗ trống trong từng câu sau :

- a) Tôi cũng không buồn. Trái lại, còn thấy khoan khoái được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ.
- b) Trũi thường khoe rằng Trũi còn ít tuổi đã từng đi xa.
- c) Khi đã xem xét cẩn thận rồi, tôi ra đứng ở ngoài cửa ngừng mặt lên trời.
- d) Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp hai lưỡi liềm máy làm việc.
- e) Tâm tính ngông nghênh tôi muốn hung hăng trở lại như dạo trước.

(Tô Hoài - Dế Mèn phiêu lưu kí)

Tập làm văn



LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI

(Quan sát và chọn lọc chi tiết)

13. Đọc kĩ bài văn tả người bà (SGK, trang 122) và viết vào chỗ trống những từ ngữ miêu tả từng đặc điểm ngoại hình của bà :

- a) Mái tóc bà :
-

- b) Đôi mắt :
-
- c) Khuôn mặt :
-
- d) Giọng nói :

14. Đọc bài văn *Người thợ rèn* và ghi lại những chi tiết tả hoạt động làm việc của anh thợ rèn :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tập đọc



NGƯỜI GÁC RỪNG TÍ HON

1. Những chi tiết nào cho thấy bạn nhỏ rất thông minh ?

.....

.....

.....

.....

.....

2. Nêu ý nghĩa của truyện :

.....

.....

Chính tả



3.

a) Điền các từ : (*sâm, xâm, sương, xương, sưa, xưa, siêu, xiêu*) vào chỗ trống :

- | | | |
|--------------------|-----|-----------------------|
| - bầy chim | cầm | - say |
| - giấc ngoài | | - ngày xưa ngày |
| - giọt | | - thị |
| -cốt | | - liêu |

b) Tìm 2 - 3 từ ngữ cùng vần với từ đã cho :

- rét buốt :

- b) Đôi mắt :
-
- c) Khuôn mặt :
-
- d) Giọng nói :

14. Đọc bài văn *Người thợ rèn* và ghi lại những chi tiết tả hoạt động làm việc của anh thợ rèn :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tập đọc



NGƯỜI GÁC RỪNG TÍ HON

1. Những chi tiết nào cho thấy bạn nhỏ rất thông minh ?

.....

.....

.....

.....

.....

2. Nêu ý nghĩa của truyện :

.....

.....

Chính tả



3.

a) Điền các từ : (*sâm, xâm, sương, xương, sưa, xưa, siêu, xiêu*) vào chỗ trống :

- | | | |
|--------------------|-----|-----------------------|
| - bầy chim | cắm | - say |
| - giặc ngoại | | - ngày xưa ngày |
| - giọt | | - thị |
| -cốt | | - liêu |

b) Tìm 2 - 3 từ ngữ cùng vần với từ đã cho :

- rét *bướ*t :

- *bước tóc* :
- *mượt mà* :
- *thước kẻ* :
- *tiết kiệm* :
- *xanh biếc* :

4. Điền vào chỗ trống :

a) Các từ : *sương, sớm, xong, sáng*

..... trong vườn nhà

Anh Ớt như gà chọi

Chị Hồng đỏ mặt trời

Cô Cúc vàng chói lọi

..... mới rửa mặt

Nên nhìn ai cũng đẹp.

(Huỳnh Quang Nam - *Sáng sớm*)

b*) *thay c ?*

Đến mùa đông, cây liễu rụng hế..... cả tó..... Anh Sơn Dương sống ở
triền núi lạnh đen sẫm những hố..... đá hú..... gió cứ hú lên suốt..... ngày
suốt..... đêm. Ré..... quá, Sơn Dương về tránh ré..... ở mỏm đồi thấp trên
cá..... xóm dưới thung lũng.

Sơn Dương xuống chơi, cả đám trong sân ra ngấp nghé nhòm. Sơn
Dương đẹp rự..... rõ, chân iuớ..... nhanh, chạy cuốn như gió reo ló.....
có..... trên đá. Câu chuyện đường xa lí thú mà Sơn Dương kể lại, cá.....
bạn giởng tai nghe.

Ở nơi xa kia, mặt..... nướ..... lốm đốm đầy sao. Những con suối thơm
như ai rả..... hoa xuống...

Chú Dê Bé ấy, cả buổi đứng hếch mặt....., mê tơi ngắm nhìn hai con mắt
Sơn Dương lừ lừ biế..... xanh như đôi sao hôm cùng mọ..... mọ..... lúc. Dê Bé
thích bộ râu giang hồ rấ..... đôi hiên ngang và Dê Bé thậ..... thềm, thậ.....
yêu những cặp móng lú..... nào cũng đen nhoáng của anh Sơn Dương.

(Tô Hoài - *Những chuyện xa lạ*)



MỞ RỘNG VỐN TỪ : BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

5. Nối từ ngữ với lời giải thích :

1) Rừng thường xanh
2) Rừng nguyên sinh
3) Rừng bán thường xanh
4) Khu bảo tồn đa dạng sinh học

a) rừng hình thành một cách tự nhiên, chưa có tác động của con người.
b) nơi lưu giữ được nhiều loài động vật và thực vật.
c) rừng cây quanh năm xanh tốt.
d) Rừng cây có mùa rụng lá.

6. Nêu các từ ngữ chỉ hành động vào chỗ trống :

a) Hành động bảo vệ môi trường :

.....

.....

b) Hành động phá hoại môi trường :

.....

.....



TRỒNG RỪNG NGẬP MẶN

7. Điền các từ đã cho vào chỗ trống :

(nhiệt đới, bảo vệ, nước mặn, thu nhập, lấn biển, chiến tranh, phong phú)

a) Rừng ngập mặn là loại rừng ở vùng ven biển

phần gốc cây ngập trong

- b) Một phần rừng ngập mặn của nước ra đã mất đi do nhiều nguyên nhân khác nhau như, các quá trình quai đê, làm đầm nuôi tôm.
- c) Khi được phục hồi, rừng ngập mặn có tác dụng :vững chắc đê biển, tăngcho người dân nhờ lượng hải sản tăng nhiều, các loài chim nước trở nên

8. Bài văn cung cấp những thông tin cơ bản gì ?

.....

.....

.....

Tập làm văn



LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI
(Tả ngoại hình)

9. Đọc đoạn văn Chú bé vùng biển (SGK, trang 130) :

- a) Nêu những đặc điểm ngoại hình của cậu bé Thắng.

.....

.....

.....

.....

.....

- b) Nêu những điều về tính tình của Thắng thông qua đặc điểm ngoại hình.

.....

.....

.....

- c) Rút ra kết luận ngắn gọn về cách tả ngoại hình.

.....

.....

.....



LUYỆN TẬP VỀ QUAN HỆ TỪ

10. Điền các quan hệ từ thích hợp vào những câu sau :

- a) Cây gạo cổ thụ từ này vẫn để ý đến Bé cao lớn ngang trời, cây vẫn nghe rất rõ lời ước ao của người bạn bé nhỏ. (Theo Trần Hoài Dương).
- b) Mây đang đau đớn đến tột cùng vẫn dững cảm chịu đựng, không để lộ chút yếu đuối của lòng mình. (Theo Trần Hoài Dương)
- c) đám hát vẫn tiếp tục biểu diễn, nhưng tôi không còn lòng dạ nào xem nữa. (Theo Đoàn Giỏi)
- d) Tôi đã cấu lăm lạ sao lúc ấy tôi vẫn tỏ ra dửng dăng được. (Theo Tô Hoài)

11. Viết lại những câu trên bằng cách dùng các cặp quan hệ từ chỉ ý nghĩa tương phản :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI

(Tả ngoại hình)

12. Dựa vào dàn ý đã lập ở bài 11, Tuần 12, hãy viết một đoạn văn tả ngoại hình của bố hoặc mẹ em :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tập đọc



CHUỖI NGỌC LAM

1. Nêu tên ba nhân vật trong truyện :

.....

2*. Đặc điểm chung của cả ba nhân vật trong truyện là gì ?

.....

3*. Nêu ý nghĩa của truyện :

.....

Chính tả



4. Điền các tiếng vào chỗ trống :

a) tranh - chanh

..... giành leo chấp	vẽ
-------------	-----------	------------	----------

b) trứng - chùng

..... dụng	bánh	sáng
------------	------------	------------

c) *trúng - chúng*

..... tuyển	công ta
dân đíchsinh

d) *trèo - chèo*

..... cao ngă đầu lái chống
-------------------	-----------	-------------

5*. Điền các tiếng *bao - bấu, rao - rau, cháo - cháu, táo - tấu* vào chỗ trống :

bánh	con	cơm tải
..... dưa bọc la	quý
châu bỏ hoa	nhật
..... chắt biện tợn	láu
cây hàng	rau	tiếng

Luyện từ và câu



ÔN TẬP VỀ TỪ LOẠI

6. Điền vào chỗ trống :

- a) là tên của một loại sự vật.
 b) là tên riêng của một sự vật. Danh từ riêng luôn luôn được

7. Khoanh vào danh từ riêng và gạch dưới danh từ chung trong đoạn văn :

Trưa hôm qua bốn chiếc xe lam đã đưa các em đổ bộ lên đỉnh núi này. Người ta đã liên hệ trước với ông từ coi đền Độc Cước, nên các em vừa đến đã có chỗ nghỉ ngơi ngay. Trên đỉnh núi, bên cạnh đền có một cái sân

rất rộng. Một cây bàng cổ thụ trùm bóng kín nửa sân. Cạnh sân, về phía nam lại có mấy gian giải vũ vốn dùng cho đệ tử khắp nơi đến viếng đền có chỗ nghỉ ngơi. Ông từ lưng đã còng còng, có hàm răng nhuộm đen nhúc, một khuôn mặt chất phác bảo anh Phiệt và lũ trẻ.

(Theo Đặng Ái - *Có một mùa hè*)

8*. Xác định kiểu câu của các câu sau :

a) Va-li-a nhỏ nhắn đứng trầm ngâm một chỗ.

b) Tôi cùng bọn trẻ đi ra cánh đồng.

c) Buổi sáng tháng chín mát mẻ và dễ chịu.

d) A-ri-ôn là một nghệ sĩ nổi tiếng của nước Hi Lạp cổ.

9. Gạch dưới các đại từ xưng hô trong đoạn văn sau :

Chợt một bàn chân lia ngang. Tất cả các công trình xây dựng ấy đổ ụp xuống. Rồi một tiếng cười khếch khếch như khí. Đó là tiếng cười của một thằng bé trạc mười ba tuổi, con một người nghỉ mát nào đấy. Nó trần trụi trọc, chỉ đánh mỗi cái xi-líp có sọc chéo. Cái đầu tròn như quả bóng của nó nghênh ngang trong chiếc mũ thể thao màu trắng có hàng chữ A-pô-lô màu da cam.

- Tại sao bạn phá núi của chúng tôi? - Cái Lê hỏi.

- Thích phá.

- Như vậy là không tốt !

- Mặc tao !

- Bạn đi chỗ khác đi !

- Bãi biển của chúng mày à ?

- Của tất cả mọi người. Và vì thế bạn không được phá phách trò chơi của người khác. Như vậy là không tốt tí nào cả !

(Theo Đặng Ái - *Có một mùa hè*)

10. Đọc đoạn văn sau :

Mảnh Khánh buồn lắm. Nó cứ đứng lặng lẽ ở góc vườn, chẳng biết tâm sự với ai. Thỉnh thoảng anh chàng Gió phóng khoáng đảo qua, đùa với nó một chốc rồi lại vội vã rong ruổi trên đường. Nó tủi thân khi thấy mùa xuân về, trăm nghìn loài hoa đua hương sắc, riêng nó chỉ toàn những lá là lá. Nó chẳng muốn có hoa để khoe khoang với mọi người đâu. Cần gì phải thế ! Nó buồn, chính vì thấy ai cũng có chút gì đóng góp với đời, đem sắc đem hương gửi tới mọi nhà, riêng nó chỉ là một cái cây khô xác vô tích sự.

(Theo Trần Hoài Dương)

a) Tìm 1 câu có kiểu *Ai làm gì ?* và có chủ ngữ là danh từ.

.....

b) Tìm 1 câu có kiểu *Ai làm gì ?* và có đại từ làm chủ ngữ.

.....

Tập đọc



HẠT GẠO LÀNG TA

11. Khổ thơ đầu cho thấy hạt gạo được làm nên từ tinh túy của những gì ?

.....
.....
.....

12. Các bạn nhỏ đã góp sức làm ra hạt gạo bằng cách nào ?

.....
.....
.....

13. Hạt gạo rất quý, được tác giả gọi là "hạt vàng" vì ?

.....
.....
.....



LÀM BIÊN BẢN CUỘC HỌP

14. Điền vào chỗ trống :

- a) Điểm giống nhau giữa biên bản và đơn ở cách mở đầu là

 và cách kết thúc là
- b) Cách mở đầu biên bản khác với cách mở đầu đơn ở chỗ
- c) Biên bản cuộc họp có chữ kí. Đó là chữ kí của.....

Luyện từ và câu



ÔN TẬP VỀ TỪ LOẠI

15. Đọc đoạn văn sau. Tìm và xếp các động từ, tính từ, quan hệ từ và đại từ vào bảng :

Có ai quen, gặp tôi bây giờ cũng không nhận ra tôi nữa đâu. Ngồi bó gối trên cầu nhìn xuống nước, chính tôi cũng khó nhận ra mình trong cái hình thù quái dị này. Tóc tôi mọc dài gần phủ gáy, hai quầng mắt hõm sâu, cổ gầy nhom như cổ cò ma. Chiếc áo vét tông bằng ka ki trắng của anh học sinh côle cho tôi, giờ đây đã biến thành màu cháo lòng, vạt áo phủ xuống tận gối, cứ kêu loạt xoạt theo mỗi bước đi. Còn chiếc quần đùi bằng vải len của tôi thì bạc phếch ra, hai ống rách te tua như bị cá chốt rĩa.

(Theo Đoàn Giỏi - Đất rừng phương Nam)

Động từ	Tính từ	Quan hệ từ	Đại từ



LUYỆN TẬP LÀM BIÊN BẢN CUỘC HỌP

16. Ghi lại biên bản một cuộc họp của lớp em :

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tập đọc



BUÔN CHỮ LÊNH ĐÓN CÔ GIÁO

1. Nêu những nghi thức đón cô giáo của buôn Chư Lênh :

.....

2*. Truyện nói lên điều gì ?

.....

Chính tả



3. Điền vào chỗ trống để được các từ ngữ có nghĩa :

a) *ch* hay *tr* ?

.....ốngỏ	búnỏào hỏi	tuônào
.....à xátà đá	đánháo	bátáo

b) *thanh hỏi* hay *thanh ngã* ?

<i>mơ màng</i>	<i>mơ mang</i>	<i>rau cai</i>	<i>cai cọ</i>
<i>bao đông</i>	<i>bao ban</i>	<i>ngo xóm</i>	<i>thư ngo</i>

Luyện từ và câu



MỞ RỘNG VỐN TỪ : HẠNH PHÚC

4. Điền từ phù hợp với những lời giải thích sau :

- a) lợi ích mà người dân được hưởng :
- b) không được hưởng may mắn :
- c) không may gặp điều rủi ro :
- d) phải chịu nhiều khó khăn, vất vả :
- e) điều tốt lành để lại cho con cháu :
- g) ở trong trạng thái vui vẻ, thích thú, cảm thấy được thoả mãn về vật chất hoặc tinh thần :
- h) gia đình yên ấm, tiền của dồi dào :
- i) có lòng thương người, hay làm điều tốt cho người khác :

5*. Đặt câu với các từ sau :

(phúc đức, phúc lợi, phúc lộc, phúc hậu)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



VỀ NGÔI NHÀ ĐANG XÂY

6. Tác giả đã so sánh ngôi nhà đang xây với các sự vật gì ?

.....

7. Những hình ảnh : ngôi nhà tựa vào nền trời, thả ra mùi vôi vữa ; nắng đứng ngủ quên, làn gió mang hương ủ dầy, ngôi nhà lớn lên được gọi là gì ? Có tác dụng như thế nào ?

.....
.....

8*. Em thích nhất hình ảnh nào trong bài thơ ? Vì sao ?

.....
.....



LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI

(Tả hoạt động)

9. Viết một đoạn văn tả hoạt động của bác lao công (ở trường em hoặc trên đường phố, nơi công cộng) :

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....



TỔNG KẾT VỐN TỪ

10. Điền từ ngữ chỉ người vào chỗ trống :

- a) Sẩy theo, sẩy bú
- b) ngã, nâng.
- c) Không đổ mày làm nên.
- d) như chân với tay
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.
- e) hơn là nhà có phúc.
- g) Công như núi Thái Sơn
Nghĩa như nước trong nguồn chảy ra.

11. Tìm các từ ngữ :

- a) Chỉ các hiện tượng trong thiên nhiên :
-
- b) Chỉ các sự vật do con người tạo ra :
-

12. Sắp xếp các từ sau thành từng nhóm. Cho biết tiêu chí sắp xếp.

đen nhánh	ti hí	trái xoan	mơ màng
nõn nà	vạm vỡ	muối tiêu	mập mạp
bầu bĩnh	đen láy	thanh mảnh	ngăm ngăm
tầm thước	lười cày	bánh mật	tinh anh
lơ thơ	bạc phơ	nho nhã	xù xì
lờ đờ	mịn màng	chữ điền	óng mượt
xơ xác	thanh tú	lim dim	nhăn nheo

13. Dựa vào các từ ngữ trong bài 12, viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu miêu tả hình dáng người bạn của em (mái tóc, đôi mắt, khuôn mặt, làn da và vóc người):

Tập làm văn



LUYỆN TẬP TẢ NGƯỜI

(Tả hoạt động)

14. Lập dàn ý cho bài văn tả hoạt động của một người đang làm việc (thầy cô đang dạy học, bác sĩ đang khám bệnh, bác nông dân đang gặt lúa, cô lao công quét dọn đường phố, cô ca sĩ đang hát trên sân khấu...).

15. Dựa vào dàn ý đã lập, hãy viết một đoạn văn tả hoạt động của một người đang làm việc.

.....

.....

.....

.....

.....

Tập đọc 


THẦY THUỐC NHƯ MẸ HIỀN

1. Chi tiết nào cho thấy Hải Thượng Lãn Ông là người giàu lòng nhân ái và không màng danh lợi ?

.....
.....
.....
.....
.....

2*. Việc ông tự buộc tội mình về cái chết của người phụ nữ chứng tỏ điều gì ?

.....
.....
.....
.....

Chính tả 

3. Ghép các tiếng *rẻ, dẻ, giẻ* và *rây, dây, giây* vào các tiếng sau để tạo thành những từ ngữ có nghĩa :

- | | | | |
|-----------------|-------------|-------------|------------|
| a) giá | hạt | quạt, | đất |
| lau, | rách; | sườn, | mảnh |
| b) thùng, | dưa, | bột, | nhảy |
| mưa | phút, | mực | chun |

4*

a) Điền vào chỗ trống từ ngữ chứa các tiếng cùng vần, chỉ khác nhau ở âm đầu **v** hay **d**.

Vần	Âm đầu v	Âm đầu d
anh	vành khuyên	dễ dàng
ao		
ang		
ong		
ông		

b) Điền các từ có tiếng chứa các vần : **iêm - iếp, im - ip**

ngủ th đi	mất l..... d.....
gà con kêu ch..... ch.....	con b.....b.....

5. Điền tiếng đã cho bắt đầu bằng **v** hay **d**, **r** hoặc **gi** vào chỗ trống trong các câu tục ngữ sau :

- a) (dạ, vâng) Gọi bảo
- b) (giữ, rách, giấy) phải lấy lễ.
- c) (dày, Vở) quýt, móng tay nhọn.
- d) (gian, vàng) Thời là bạc.
- e) (giặc, vua) Được làm....., thua làm



TỔNG KẾT VỐN TỪ

6*. Tìm 2 từ đồng nghĩa và 2 từ trái nghĩa với từ đã cho :

Từ	Đồng nghĩa	Trái nghĩa
dũng cảm		
trung thực		
nhân hậu		
cần cù		

7*. Tìm các thành ngữ, tục ngữ nói về các tính cách con người

.....

.....

.....

.....



THẦY CÚNG ĐI BỆNH VIỆN

8. Vì sao cụ Ún bỏ nghề thầy cúng ?

.....

.....

.....

9. Nêu ý nghĩa câu chuyện :

.....

.....

.....



TẢ NGƯỜI

10. Em chọn một trong các đề trong SGK và viết một bài văn tả người hoàn chỉnh :

.....
.....



TỔNG KẾT VỐN TỪ

11. Điền các từ chỉ màu sắc thích hợp vào chỗ trống :

(xanh rờn, xanh biếc, vàng tươi, trắng tinh, đỏ tươi)

- a) Biển kia
Muối này
Ngày ngày ăn muối
Trong cá, trong canh
Bé đâu có biết
Công cô chú mình
Phơi nước thành hạt
Gạn trắng từ xanh.

(Phạm Hồ - *Biển và muối*)

- b) Ôi ! Chú bộ ngựa
Mặc áo
Lăm lăm đôi gươm
Trông đầy kiêu hãnh.

(Trần Hoạt - *Chú ngựa bay*)

c) Em vẽ
 Con gà trống
 Mào

Em vẽ
 Con mèo lười
 Nằm sưởi nắng.

(Hoàng Thanh Hà - Em vẽ)

d) Lá xanh biếc, quả
 Xuân về tết đến thăm người bốn phương.

12. Nối các sự vật với hình ảnh so sánh để tạo thành câu hoàn chỉnh :

1) Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp
2) Cái chàng Đế Choắt, người gầy gò và dài lâu nghêu
3) Cửa hang bé và nham nhở, bản
4) Dáng chững tôi khoẻ mạnh, cứng cáp và đen bóng
5) Thằng chim Chích kia thì bằng hạt mít, chân nó leo kheo và cái mỏ oặt
6) Hai cày Trũi móc toẽ đặng trước, khi hươi lên, coi oai

a) như lỗ giun đùn.
b) như cột nhà cháy bôi mỡ.
c) như cái tăm hương.....như sợi bún.
d) như hai lưỡi liềm máy làm việc.
e) như cặp chùy đồng.
g) như một gã nghiện thuốc phiện

(Theo Tô Hoài - Đế Mèn phiêu lưu kí)



LÀM BIÊN BẢN MỘT VỤ VIỆC

13. Nêu những điểm giống và khác nhau giữa biên bản một vụ việc với biên bản cuộc họp :

.....

.....

.....

.....

.....

Tập đọc



NGU CÔNG XÃ TRỊNH TƯỜNG

1. Nối các ý ở cột A với các ý ở cột B :

A
1) Ông Lìn lẩn mò cả tháng trong rừng
2) Để đưa được nước về thôn, ông Lìn đã
3) Nhờ có nước về,

B
a) cùng vợ con đào suốt một năm trời được gần bốn cây số mương xuyên đồi dẫn nước từ rừng già về thôn.
b) người dân không phá rừng làm nương mà trồng lúa nước ruộng bậc thang, năng suất lúa cao, cả thôn không còn hộ đói.
c) để tìm nguồn nước.

2. Nêu ý nghĩa câu chuyện :

.....

.....

Chính tả



3. Chép vần của từng tiếng trong câu thơ lục bát dưới đây vào mô hình cấu tạo vần :

Trời trong đây tiếng rì rào
 Đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra.
 (Trần Đăng Khoa - Cây dừa)

Tiếng	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối
Trời			
trong			
đầy			
tiếng			
ri			
rào			
Đàn			
cò			
đánh			
nhịp			
bay			
vào			
bay			
ra			

b) Tìm những tiếng bắt vần với nhau trong câu thơ trên.

c) Điền vào chỗ trống :

Trong thơ lục bát, tiếng thứ 6 của dòng 6 bắt vần với tiếng thứ của dòng 8.



ÔN TẬP VỀ TỪ VÀ CẤU TẠO TỪ

4*

a) Phân cách các từ trong bài ca dao sau bằng dấu gạch chéo.

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh

Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ.

b) Lập bảng phân loại các từ trong bài ca dao theo cấu tạo của chúng.

Tiếng	Từ đơn	Từ phức	
		Từ ghép	Từ láy
Từ ở trong khổ thơ			
Từ tìm thêm			

5. Nối các từ ngữ ở cột A với cột B :

A
1) Đổ au, đổ ửng, đổ tươi
2) <i>Đông</i> trong các từ ngữ : mùa đông, chợ đông
3) Các cặp từ : dưng cảm - hèn nhát, hạnh phúc - đau khổ, chăm chỉ - lười biếng
4) Từ <i>mũi</i> trong các từ ngữ : mũi dọc dừa, mũi thuyền

B
a) là một từ nhiều nghĩa.
b) là những từ đồng nghĩa
c) là những từ đồng âm
d) là những cặp từ trái nghĩa

6. Tìm các cặp từ trái nghĩa thích hợp để điền vào chỗ trống trong các thành ngữ, tục ngữ sau :

a) trâu còn hơn bò.

b) Chuẩn chuẩn bay thì mưa
Bay thì nắng, bay vừa thì râm.

c) Lá đùm lá.....

d) chề ngỏng, chề lùn
..... chề béo trọc béo tròn.
..... chề xương sống xương sườn lộ ra.

Tập đọc



CA DAO VỀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

7. Người nông dân có những nỗi lo lắng gì ?

.....
.....

8. Nêu ý nghĩa của câu ca dao “Ai ơi bưng bát cơm đầy/Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần” :

.....
.....

9. Câu ca dao “Ai ơi, đừng bỏ ruộng hoang/Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu” khuyên điều gì ?

.....
.....
.....
.....

10. Tìm những hình ảnh so sánh trong các câu ca dao trong SGK.

.....
.....



ÔN TẬP VỀ VIẾT ĐƠN

11. Tìm và chữa lỗi trong lá đơn sau :

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày 20 tháng 5 năm 2012

ĐƠN XIN HỌC

Kính gửi : Cô Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Cát Linh

Em tên là : NGUYỄN TOÀN THẮNG

Sinh ngày : 30 - 5 - 2001

Tại : Hà Nội.

Quê quán : Phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Địa chỉ thường trú : Tổ 6, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội.

Đã hoàn thành chương trình Tiểu học tại Trường Tiểu học Cát Linh

Em xin hứa thực hiện nghiêm chỉnh nội quy của Nhà trường, phấn đấu học tập và rèn luyện tốt.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

Thắng

Nguyễn Toàn Thắng

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



ÔN TẬP VỀ CÂU

12. Đọc đoạn văn sau :

Thấy Bé vui sướng, cây gạo hài lòng lắm. Những vòm hoa cứ bông mãi lên, rục rờ. Nhưng rồi cây gạo chợt nghĩ : “Hoa nở có thì. Mùa xuân qua đi, làm sao hoa mình tươi thắm mãi ? Phải làm thế nào cho sắc đỏ được lưu truyền cả bốn mùa, để ánh mắt tin cậy của cô bé luôn trong trẻo ?”. Nghĩ được một kế hay, cây gạo cười rung vòm cây. Lời cây gạo truyền đi trong gió :

- Hỡi muôn loài cây bè bạn ! Các người có nghe thấy lời mong ước của cô bé tí hon kia đấy không ?

Cả rừng cây ven hồ xào xạc :

- Có ! Chúng tôi có nghe thấy ! Vậy ý của cây gạo cổ thụ thế nào ?

Cây gạo nói, giọng thật trầm :

- Hoa tôi nở suốt mùa xuân. Sang hè, tôi muốn màu đỏ ấy được chuyển sang cho một loài hoa khác. Rồi mùa thu về, loài hoa ấy chuyển tiếp sắc đỏ sang một loài hoa khác nữa. Cứ thế, quanh năm, màu đỏ vẫn tươi nguyên, luân chuyển từ hoa này sang hoa nọ, như một cuộc chạy tiếp sức không bao giờ ngừng nghỉ. Các bạn thấy thế nào ?

Rừng cây xôn xao :

- Hay lắm ! Hay lắm ! Cây gạo cổ thụ nghĩ hay lắm ! Tất cả chúng ta hãy làm theo !

(Theo Trần Hoài Dương)

a) Tìm các câu hỏi, câu cảm, câu khiến trong đoạn văn trên. Nêu những dấu hiệu của mỗi kiểu câu.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b) Gạch dưới các câu kể trong đoạn văn trên. Nêu dấu hiệu của kiểu câu kể.

.....

c) Phân loại các câu kể trong đoạn văn trên.

- Đánh số 1 vào câu kể kiểu *Ai làm gì ?*
- Đánh số 2 vào câu kể kiểu *Ai thế nào ?*
- Đánh số 3 vào câu kể kiểu *Ai là gì ?*

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

1. Lập bảng thống kê các bài Tập đọc trong chủ điểm *Giữ lấy màu xanh*.

Số thứ tự	Tên bài	Tác giả	Thể loại	Nội dung chính

2. Liệt kê những từ em biết về :

- Tổ quốc :
- Hoà bình :
- Thiên nhiên :
- Hạnh phúc :

3. Đọc và tìm trong bài thơ :

Gió từ tay mẹ

Quạt nan như lá
 Chập chập lay lay
 Quạt nan mỏng dính
 Ngọn gió rất dày.



Gió từ ngọn cây
Có khi còn nghĩ
Gió từ tay mẹ
Thổi suốt đêm hè.

Gió của ông trời
Có khi rét buốt
Gió mẹ, mẹ ơi
Lúc nào cũng mát.

Quạt nan như cánh
Chớp chớp lay lay
Mẹ đưa con bay
Êm vào giấc ngủ.

(Vương Trọng)

a) Một cặp từ trái nghĩa :

.....

b) Từ trái nghĩa với từ *nóng bức* :

.....

c) Đại từ :

.....

d) Quan hệ từ :

.....

e) Từ láy :

.....

g) Hình ảnh so sánh :

.....

4. Đọc truyện sau :

LÀM CÁCH NÀO ĐỂ HƠN ?

Hùng, Quân và Nam rủ nhau vào rừng. Trong rừng có nấm, có quả rừng, lại có đủ các loài chim. Ba cậu mãi chơi nên không để ý là trời đã về chiều, sắp tối. Về bây giờ thì sợ bố mẹ mắng lắm !

Cả ba cố nghĩ ngợi tìm xem cách nào để hơn : nói dối hay là nói thật ?

Hùng nói :

- Tớ sẽ nói là bị chó sói đuổi ở trong rừng. Bố tớ phát hoảng lên và thế là thôi không mắng nữa.

Quân nói :

- Tớ sẽ nói là đang đi đường thì gặp ông ngoại. Mẹ tớ sẽ vui và cũng không mắng tớ.

Nam nói :

- Còn mình thì mình sẽ nói thật, vì nói thật thì chẳng cần phải nghĩ tìm cách này hay cách khác.

Thế rồi ba cậu bé chia tay nhau về nhà.

Hùng vừa nói với bố xong thì đúng lúc bác coi rừng đến chơi. Bác nói :

- Không, trong rừng này làm gì có chó sói !

Bố Hùng bực tức vô cùng vì Hùng chẳng những đi chơi về muộn mà còn nói dối nữa.

Quân đang nói với mẹ là đi đường gặp ông ngoại thì vừa lúc ông ngoại bước vào. Vì Quân đi chơi về muộn nên mẹ rất bực tức. Thêm nữa, Quân lại còn nói dối nữa.

Còn Nam vừa về đến nhà đã nhận lỗi ngay từ cửa. Bố cậu chỉ cần dặn một câu và hoàn toàn tha thứ cho cậu.

(Theo truyện nước ngoài)

Hãy tìm trong truyện :

a) Các tên riêng trong truyện :

.....

b) Một cặp quan hệ từ. Nói rõ tác dụng của cặp quan hệ từ đó :

.....

.....

c) Các động từ :

.....

d) Các tính từ :

.....

e) Những từ trái nghĩa :

.....

PHẦN HAI

GỢI Ý - GIẢI ĐÁP

TUẦN 1

1. đầu tiên, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, độc lập, đô hộ.

2. tươi đẹp, sánh vai, cường quốc, học tập

3. Bác Hồ khuyên học sinh chăm học, nghe thầy, yêu bạn và tin tưởng rằng học sinh sẽ kế tục xứng đáng sự nghiệp của cha ông, xây dựng thành công nước Việt Nam mới.

4. Đánh dấu vào ô trống thứ 3.

5. a) i, e, ê, c ; b) gh, e, ê, g ; c) ngờ, i, e, ê, ng.

6. a) gương, Người ; b) có ; Kì, Có, có ; c) cảnh, Kiếm, cầu, Nghiên, gây ; d) Nghệ ; e) cả, ngoài, cơm, ngỗng, ngay, cơm, ngon, cười, ngắn, ngờ.

7. a) Từ đồng nghĩa ; b) đồng nghĩa hoàn toàn ; c) đồng nghĩa không hoàn toàn.

8. HS tự viết. Gợi ý : a) nước nhà, non sông, tổ quốc ; b) Trái Đất, hành tinh, hoàn cầu, năm châu ; c) xinh, xinh đẹp, đẹp đẽ, tươi đẹp ; d) học hỏi, học tập, học hành ; e) khổng lồ, vĩ đại, to lớn, lớn lao, đồ sộ ;

9. HS tự viết. Gợi ý :

- Học tập là nhiệm vụ của mỗi người học sinh. Ví thế, chúng em rất chăm chỉ học hành.

- Vườn hoa trong công viên thật đẹp. Muôn ngàn bông hoa xinh tươi khoe sắc.

10. a) 1 - c ; 2 - e ; 3 - b ; 4 - a ; 5 - d.

11. a) vàng xuộm ; b) vàng hoe ; c) vàng lịm ; d) vàng ối ; e) vàng tươi ; g) vàng xọng ; h) vàng giòn ; i) vàng mượt.

12. HS tự làm. Gợi ý : Mải miết đi gặt, kéo đá, cắt rạ, chia thóc, ra đồng.

13. HS tự làm. Gợi ý : Bài văn miêu tả quang cảnh làng mạc giữa ngày mùa, làm hiện lên một bức tranh làng quê tuyệt đẹp, sinh động ; qua đó thể hiện tình yêu quê hương tha thiết của tác giả.

14. a) trong thành phố vốn hằng ngày đã rất yên tĩnh này ; b) khoảnh khắc yên tĩnh của buổi chiều cũng chấm dứt ; c) câu cuối.

15.

Thứ tự miêu tả	Hoàng hôn trên sông Hương	Quang cảnh làng mạc ngày mùa
1	Nhận xét chung về sự yên tĩnh của Huế lúc hoàng hôn	Giới thiệu màu sắc bao trùm làng quê ngày mùa là màu vàng

2	Tả sự thay đổi sắc màu của sông Hương từ lúc bắt đầu hoàng hôn đến lúc tối hẳn	Tả các màu vàng khác nhau của cảnh, của vật
3	Tả hoạt động của con người bên bờ sông, trên mặt sông lúc bắt đầu hoàng hôn đến lúc thành phố lên đèn	Tả thời tiết, con người
4	Nhận xét về sự thức dậy của Huế sau hoàng hôn	

16. a) nắng trưa ; b) 4 ; hơi đất trong nắng trưa dữ dội; tiếng võng đưa và câu hát ru em trong nắng trưa; cây cối và con vật trong nắng trưa; hình ảnh người mẹ trong nắng trưa ; c) cảm nghĩ về mẹ.

17. a) trắng : tinh, toát, muốt, phau, trẻo, xoá, ngần ; b) đen : sì, kịt, thui, láy ; c) biếc, ngất, thắm, mướt ; d) au, bưng, chói, thắm, rực, lừ, ối, chót.

18. HS tự làm.

19. a) má, u, bu ; b) quả ; c) phu nhân ; d) nữ.

20. vòm trời, những giọt mưa, những sợi cỏ, những gánh rau, những bó huệ, bầy sáo liệng trên cánh đồng, mặt trời mọc.

21. a) mát lạnh, mưa trên tóc, sợi cỏ dầm nước làm ướt lạnh bàn chân ; b) màu mây, màu trời, giọt mưa, người gánh rau, gánh hoa, bầy sáo liệng, mặt trời.

22. Mở bài :

- Quê em ở

- Một buổi sáng chủ nhật mùa đông, em cùng mẹ đi ra đồng.

Thân bài :

- Tả bao quát cánh đồng :

+ Cánh đồng làng em rất rộng. Từ làng ra tới đường quốc lộ khoảng một cây số và trải dài hai cây số.

+ Cây cối vùng quê em quanh năm tươi tốt.

- Tả từng phần của cánh đồng :

+ Thời tiết : nắng ấm và tạnh ráo.

+ Những lũy tre, đằm sen.

+ Lúa đang thì con gái, xanh tươi mơn mớn. Có những cây bóng mát lớn rải rác trên cánh đồng.

+ Các cô bác nông dân đang làm việc trên cánh đồng.

+ Chim chóc bay lượn, hót riu rít.

Kết bài :

- Đồng quê em tươi đẹp và thanh bình.
- Em yêu cảnh vật và yêu quê hương.

23. HS tự làm. Gợi ý :

- a) - Em tả con đường nào ? Con đường nằm ở đâu ? Vào thời gian nào trong ngày ?
- Con đường dẫn từ đâu tới đâu ? Con đường có gì đặc biệt ?
- Con đường là đường một chiều hay hai chiều ? Lòng đường rộng hay hẹp ? Cây cối hai bên đường có nhiều không ? Nhà cửa hai bên đường ra sao ?
- Các loại xe cộ đi lại thế nào ?
- Trên vỉa hè, người đi bộ trên vỉa hè có nhiều không ? Các hàng quán có hoạt động nhiều không ?
- Cảm nghĩ của em về con đường và cảnh tấp nập trên đường như thế nào ?
- b) - Em tả sân trường buổi trưa vào mùa nào ? Khi đó, các bạn học sinh và các thầy cô giáo làm gì ? (nghỉ trưa)
- Quang cảnh trên sân trường ra sao ? (đông hay vắng).
- Cảnh vật trên sân trường (cây cối, người, chim chóc, ánh nắng, gió)
- Em có thể nghe thấy những âm thanh gì ? (yên tĩnh, chỉ có tiếng gió, tiếng chim)
- Cảnh sân trường buổi trưa gợi lên cảm giác gì, làm em liên tưởng đến điều gì (như là sân trường cũng nghỉ trưa, khác hẳn với giờ ra chơi, các bạn học sinh vui đùa, chạy nhảy)

TUẦN 2

1. a) Văn Miếu ; b) khoa thi ; tiến sĩ.
2. d
3. a) số khoa thi mà các triều vua Việt Nam đã tổ chức được trong vòng 10 thế kỉ, từ khoa thi năm 1075 đến khoa thi cuối cùng năm 1919.
- b) số tên tuổi các vị tiến sĩ từ khoa thi năm 1442 đến khoa thi năm 1779.
- c) số tấm bia khắc tên tuổi 1306 vị tiến sĩ từ khoa thi năm 1442 đến khoa thi năm 1779.
4. Văn Miếu là nơi nhắc nhở các thế hệ Việt Nam noi gương cha ông về truyền thống hiếu học, là niềm tự hào nghìn năm văn hiến của dân tộc.
5. ứng, ôm, ăng, uyêt, ông, on, uyên, ươc, ung, di.

6.

Tiếng	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối
Những		ư	ng
hôm		ô	m
trắng		ă	ng
khuyết	u	yê	t
Trông		ô	ng
con		o	n
thuyền	u	yê	n
bước		ươ	c
cùng		u	ng
chơi		ơ	i

7. a) quê mùa ; b) tổ tiên.

8. HS tự làm. Gợi ý : ái quốc, quốc ca, quốc dân, quốc hội, quốc khánh, quốc kì, quốc lập, quốc ngữ, quốc sách, quốc tế, quốc tịch, quốc vương.

9. HS tự làm. Gợi ý : a) Quê hương tôi ở Hà Giang, vùng đất biên cương của Tổ quốc. b) Thái Bình là quê mẹ của tôi. c) Vùng đất Cầu Giấy, Hà Nội là quê cha đất tổ của tôi.

10. 1 - d ; 2 - i ; 3 - a ; 4 - g ; 5 - b ; 6 - h ; 7 - c ; 8 - e.

11. HS tự làm.

12. HS tự làm.

13. a) HS tự làm. Gợi ý :

Mở bài : Giới thiệu về rừng khô trong ánh mặt trời.

Thân bài : Cảnh được miêu tả theo khoảng không gian bao la của rừng : Các hình ảnh, mùi hương và âm thanh hoà trộn, xen kẽ.

- Hình ảnh những cây trầm, lùm bụi thấp, những bông hoa sặc sỡ.

- Mùi hương của lá trầm, của những loài hoa rừng.

- Âm thanh : tiếng chim, tiếng đập cánh của côn trùng.

Kết bài : Vẻ đẹp của rừng trưa khiến con người như chìm vào giấc ngủ êm dịu.

b) Học sinh tự làm.

14. a) HS tự làm. Gợi ý :

Mở bài : Giới thiệu thời gian chiều tối : nắng nhạt dần, trắng nhạt.

Thân bài : Cảnh được tả theo trình tự thời gian, quá trình trời tối.

- Những mảng tối thấp thoáng, bóng tối lan dần, đồ lốm đốm trên vòm cây.

- Bóng tối như bức màn mỏng, như bụi xốp phủ dần lên mọi vật.

- Trời nhập nhoạng, nhìn rõ những ánh đom đóm, không thấy rõ hình cây lá nữa.

Kết bài : Hình ảnh hương thơm cây cối lan toả trong không gian.

b) HS tự làm

15. HS tự làm.

16. HS tự làm. Gợi ý :

- cha : bố, tía, ba.

- ăn : chén, xơi, nuốt, ngốn, đớp.

- tàu hoả : tàu lửa.

- bé : bé tí, bé xiu, bé bỏng, tí hon, nhỏ.

- tặng : cho, biếu, phất, biếu xén.

17. - Nhóm 1 : im lìm, vắng lặng, yên ả, yên tĩnh.

- Nhóm 2 : thái, cắt, gọt, giũa.

- Nhóm 3 : thay đổi, đổi thay, đổi mới, đổi khác.

- Nhóm 4 : lay động, rung động, lung lay, rung rinh.

18. HS tự làm. Gợi ý : a) mệnh mông, bát ngát, bao la ; b) lung linh, lấp lánh, lấp loáng.

19. a) 14, 51, 9 ; b) 38, 558, 0 ; c) 82, 1306 ; d) Một là : nêu số liệu (số khoa thi, số tiến sĩ từ năm 1075 đến 1919, số bia và số tiến sĩ có tên khắc trên bia còn lại đến ngày nay) ; Hai là : trình bày bảng số liệu (so sánh số khoa thi, số tiến sĩ, số trạng nguyên của các triều đại).

20. Giúp người đọc dễ tiếp nhận thông tin, dễ so sánh ; Tăng sức thuyết phục cho nhận xét về truyền thống văn hiến lâu đời của nước ta.

21. a)

	Lớp 5A	Lớp 5B	Lớp 5C	Cộng
HS giỏi	27	23	24	74
HS tiên tiến	12	15	18	45
HS trung bình	1	4	3	8
Cộng	40	42	45	127

b) 5C; 74 ; $74 - 8 = 66$.

TUẦN 3

1. a) 5 ; Di Năm, An, chú cán bộ, lính, cai ; b) một ngôi nhà nông thôn Nam Bộ, má con di Năm đang ăn cơm thì một chú cán bộ bị địch rượt bắt, chạy vào nhà di Năm ; c) bảo chú ngồi cùng ăn cơm và nhận chú là chồng ; d) Thấy bọn giặc dọa bắn, di Năm giả vờ làm cho chúng tưởng di sợ nên sẽ khai, hoá ra di chấp nhận cái chết, chỉ xin được trở trắng, căn dặn con mấy lời, khiến chúng tên tò.

2.

Tiếng	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối
Em		e	m
yêu		yê	u
Hàng		a	ng
xoan	o	a	n
trước		ươ	c
Hoa	o	a	
xuyến	u	yê	n
mây		ây	y
chùm		u	m

3. Âm chính (dấu nặng đặt bên dưới, các dấu khác đặt trên).

4. HS tự làm. Gợi ý :

a) Chỉ các nghề nghiệp : thầy thuốc, bác sĩ, y tá, giáo viên, thợ may, thợ xây, kĩ sư, nông dân, công nhân, học sinh, sinh viên, nghệ sĩ, bộ đội ; b) Chỉ nơi làm việc : nhà máy, xí nghiệp, bệnh viện, trường học, cánh đồng ; c) Chỉ phẩm chất tốt đẹp của người lao động : chăm chỉ, cần cù, chịu khó, thông minh, sáng tạo, đoàn kết, tiết kiệm, trung thực, anh dũng.

5. HS tự làm. Gợi ý :

a) thợ mộc, thợ điện, thợ gốm, thợ hàn, thợ cày, thợ rèn ; b) phóng viên, phát thanh viên, biên tập viên.

6. a) chịu thương chịu khó ; b) dám nghĩ dám làm ; c) muôn người như một.

7. đều sinh ra từ bọc trăm trứng của mẹ Âu Cơ.

8. 1 - d ; 2 - a ; 3 - i ; 4 - g ; 5 - b ; 6 - c ; 7 - e ; 8 - h.

Tập đọc. Lòng dân (tiếp theo)

9. a) Giả vờ vào buồng tìm giấy tờ ; b) Giả vờ tìm mả mà không thấy ; c) Nói to họ tên, tuổi của người được ghi trong giấy.

10. b.

11.

a) Mở bài : Những dấu hiệu báo cơn mưa sắp đến

- Mây : nặng, đặc xịt, lổm ngổm đầy trời ; tản ra từng nắm nhỏ rồi san đều trên một nền đen xám xịt.

- Gió : thổi giật, đổi mát lạnh, nhuộm hơi nước ; khi mưa xuống, gió càng mạnh, thổi điên đảo trên cành cây.

b) Thân bài :

- Tiếng mưa và hạt mưa từ lúc bắt đầu đến lúc kết thúc cơn mưa

+ Tiếng mưa : lúc đầu lẹt đẹt, lách tách ; về sau : ù xuống, rào rào, sầm sập, đồm độp, độp bùng bùng vào lòng lá chuối, giọt tranh đổ ồ ồ.

+ Hạt mưa : những giọt nước lăn xuống mái phen nứa rồi tuôn rào rào ; mưa xiên xuống, lao xuống, lao vào bụi cây ; hạt mưa giọt ngã, giọt bay, toả bụi nước trắng xoá.

- Cây cối, con vật, bầu trời trong và sau cơn mưa.

+ Trong mưa : lá đào, lá na, lá sồi vẫy tai run rẩy ; con gà sống ướt lướt thướt ngật ngưỡng tìm chỗ trú ; cuối cơn mưa, những tiếng sấm vang lên một hồi ục ục ì ầm trên vòm trời tối thẫm.

+ Sau trận mưa : trời rạng dần ; chim chào mào hót râm ran, nắng trời phía đông trong vắt.

Kết bài : Cảnh mưa tạnh, mặt trời lộ ra, chói lọi trên những vòm lá buổi lấp lánh.

12. a) Bằng thị giác (mắt nhìn) : sự biến đổi của mây trước cơn mưa ; mưa rơi, những đổi thay của cây cối, con vật, bầu trời, cảnh tượng xung quanh khi mưa tuôn, lúc mưa ngớt.

b) Bằng thính giác (tai nghe) : tiếng gió thổi, sự biến đổi của tiếng mưa, tiếng sấm, tiếng chào mào hót.

c) Bằng xúc giác (cảm giác của làn da) : sự mát lạnh của làn gió nhuộm hơi nước.

d) Bằng khứu giác (mũi ngửi) : mùi nồng ngai ngái của những trận mưa mới đầu mùa.

13. HS tự làm. Gợi ý : Lập dàn ý tả cơn mưa mùa hè ở đồng bằng Bắc Bộ.

Mở bài : Mùa hè và những cơn mưa rào ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.

Thân bài :

a) Cảnh trước cơn mưa

- Trời oi nồng.

- Mây đen vần vũ, gió mạnh, sấm, chớp.

b) Cảnh trong cơn mưa

- Lúc đầu : Mưa rơi lộp độp vài hạt rồi ngưng.

- Mưa to dần : Sấm chớp đầy trời :

+ Hạt mưa nặng, trắng, từng vệt dài.

+ Mưa mau hơn, trắng xoá, tới tấp.

- Mưa rơi khắp nơi :

+ Mưa đổ trên mái nhà, mưa sủi bọt trên sân

+ Lá dừa, lá chuối như bơi trong mưa

+ Những ngọn rau lang, rau mồng tơi như nhảy múa trong mưa.

+ Ruộng lúa như reo mừng.

- Mưa và mọi vật :

+ Chim, chuồn chuồn, bướm bướm, gà tìm chỗ trú mưa.

+ Chó sủa, cóc nhảy.

+ Con người vượt gió, đội mưa về nhà hoặc tìm chỗ trú.

c) Cảnh sau cơn mưa :

- Cây cối hớn hỡ, tươi tốt, sạch sẽ.

- Các con vật như bừng tỉnh, khí trời mát mẻ, con người vui vẻ.

Kết bài : Mưa đem đến không khí mát mẻ cho muôn vật. Bầu trời cao xanh, trong vắt, cảnh đẹp và trong sáng, để lại nhiều cảm xúc đẹp cho con người.

14. 1 - d ; 2 - a ; 3 - e ; 4 - b ; 5 - c.

15. Điền lần lượt vào chỗ trống : đỏ hồng, đỏ tươi, đỏ thắm, đỏ ối, đỏ rực, đỏ tía, đỏ au.

16. HS tự làm. Gợi ý : Có công mài sắt, có ngày nên kim ; Có chí thì nên ; Kiến tha lâu cũng đầy tổ.

17. Đoạn 1 : Giới thiệu cơn mưa rào ào ạt tới rồi tạnh ngay.

- Đoạn 2 : Ánh nắng và các con vật sau cơn mưa.

- Đoạn 3 : Cây cối sau cơn mưa.

- Đoạn 4 : Đường phố và con người sau cơn mưa.

18. HS tự làm.

TUẦN 4

1. a) Hi-rô-si-ma, Nhật Bản ; b) ngày ngày gấp những con sếu bằng giấy với hi vọng gấp đủ một nghìn con thì em sẽ khỏi bệnh.

2. d.

3. HS tự làm. Gợi ý :

Tôi đã được đọc về câu chuyện cảm động của bạn. Cái chết của bạn làm tôi hiểu sự tàn bạo của chiến tranh. Tôi căm ghét những kẻ đã cướp đi tuổi thơ và cuộc sống của bạn. Tôi tin rằng mọi người sẽ luôn nhớ đến bạn. Những người yêu hoà bình trên toàn thế giới luôn ra sức chung tay chống chiến tranh để bảo vệ hoà bình trên toàn Trái Đất.

4.

Tiếng	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối
Phía		ia	
chiếc		iê	c

5. Điểm giống nhau của hai tiếng *Phía* và *chiếc* là hai tiếng đều có âm chính gồm 2 chữ cái (còn gọi là các nguyên âm đôi).

Điểm khác nhau là tiếng *chiếc* có âm cuối là *c* còn tiếng *Phía* không có âm cuối.

6. a) ; ở chữ cái đầu của nguyên âm đôi ; b) ở chữ cái thứ hai của nguyên âm đôi.

7. a) thật thà ; b) chăm chỉ ; c) yên tĩnh ; d) ấm áp.

8. a) oi bức - mát mẻ ; b) chìm - nổi, đặng - bùi, hôi - thơm.

9. HS tự làm. Gợi ý :

a) Những người yêu hoà bình trên toàn thế giới đều ra sức ngăn chặn chiến tranh.

b) Chúng ta hãy đoàn kết tạo nên sức mạnh, không để cho tập thể bị chia rẽ.

c) Mỗi học sinh cần biết giữ gìn môi trường, kiên quyết ngăn chặn các hành vi phá hoại môi trường.

10. a) quả bóng xanh bay giữa bầu trời, có tiếng chim bồ câu và cánh hải âu vờn sóng biển ; b) màu da của các bạn nhỏ trên khắp năm châu ; c) chống chiến tranh, chống bom nguyên tử, bom hạt nhân ; chỉ có hoà bình, tiếng hát, tiếng cười mới mang lại sự bình yên cho Trái Đất.

11. HS tự làm. Gợi ý :

Mở bài : Giới thiệu bao quát :

- Tên trường, vị trí của trường.

- Ngôi trường có mái màu đỏ, tường vôi trắng, những hàng cây xanh bao quanh.

Thân bài : Tả từng phần của cảnh trường.

- Cổng trường : được xây trụ bằng đá. Phía trên là bảng hình chữ nhật kẻ tên trường bằng sơn.

- Sân trường :

+ Sân trường rộng, nền xi măng, phía đầu là bục cao, cột cờ. Trên sân có nhiều cây bàng, cây phượng toả bóng mát.

+ Hoạt động trên sân trường vào lúc chào cờ, giờ ra chơi.

- Lớp học :

+ Ba toà nhà hai tầng xếp thành hình chữ U.

+ Các lớp học rộng rãi, thoáng mát, có quạt trần, đèn điện. Trên tường có nhiều tranh ảnh, khẩu hiệu trang trí.

- Phòng truyền thống, nhà thể chất, bếp ăn.

- Vườn trường :

+ Các loại cây trong vườn trường

+ Hoạt động chăm sóc vườn trường

Kết bài :

- Trường học đẹp, rộng, nơi em học tập, vui chơi, có thầy cô, có bạn bè.

- Tình cảm của em với ngôi trường.

- Ý thức giữ gìn, xây dựng trường sạch, đẹp, văn minh.

12. a) mềm ; b) ngược ; c) đại ; d) đối ; e) Trên ; g) ngoài.

13. a) Bài toán tưởng chừng rất khó nhưng hoá ra lại rất dễ. b) Món quà tuy nhỏ bé nhưng có ý nghĩa rất to lớn. c) Trước đây, cô bé vốn rất vụng về, nhưng nhờ rèn luyện nên cô đã trở nên rất khéo léo.

14. HS tự làm. Gợi ý :

a) Tả hành động : đứng - ngồi, ra - vào, lên - xuống, cười - khóc, thức - ngủ.

b) Tả trạng thái : sướng - khổ, khoẻ - yếu, vui sướng - đau khổ, khoẻ mạnh - ốm đau, hạnh phúc - đau khổ.

c) Tả phẩm chất : tốt - xấu, hiền - dữ, ngoan - hư, hèn nhát - dũng cảm, thật thà - dối trá.

15. HS tự làm. Gợi ý dàn bài.

Mở bài : Giới thiệu ngôi nhà là nơi sinh hoạt, sum họp hằng ngày của gia đình em.

Thân bài :

a. Tả bao quát

- Nhà em ở đâu ?

- Nhà em có đặc điểm gì dễ nhận biết ?

- Nhà em thuộc loại gì (nhà tầng, chung cư, nhà mái ngói).

b. Tả cụ thể :

- Nếu là nhà tầng : nhà có mấy tầng, mỗi tầng có bao nhiêu phòng, dùng để làm gì, được bày biện, trang trí như thế nào).

- Nếu là nhà chung cư hoặc mái ngói : nhà có mấy gian, mấy phòng, cách bày biện, trang trí ra sao).

- Các tầng hoặc các phòng có sạch sẽ, gọn gàng không ?

Kết bài :

Ngôi nhà là mái ấm, là người bạn thân thiết của em. Tình cảm đối với ngôi nhà (đi xa là nhớ), ý thức giữ gìn, chăm sóc cho nhà luôn gọn gàng, sạch sẽ.

TUẦN 5

1. HS tự làm. Gợi ý : Buổi sáng đầu xuân, trời đẹp, gió nhẹ và hơi lạnh. Ánh nắng ban mai nhạt rải trên vùng đất đỏ công trường tạo nên một màu sắc hài hoà, êm dịu.

2. cao lớn, vàng óng, chắc, khoẻ, chất phác, giản dị, thân mật.

3. Qua cuộc gặp gỡ giữa hai người thợ, tác giả muốn diễn tả sự đồng cảm, thân ái, tình hữu nghị của họ.

4. a) - Các tiếng chứa ua : chua ; - Các tiếng chứa uô : buồn.

b) Cách đánh dấu thanh :

- chữ cái đầu của âm chính ua - chữ u.

- chữ cái thứ hai của âm chính uô - chữ ô.

5. lúa, mùa ; chùa ; buộc ; Thuốc.

6. Các từ này có thể chia thành 2 nhóm, dựa vào nghĩa của tiếng *hoà*.

- Nhóm 1 (tiếng *hoà* mang nghĩa : trạng thái không có mâu thuẫn, yên ổn) : hoà hợp, hoà hảo, hoà giải.

- Nhóm 2 (tiếng *hoà* mang nghĩa : trộn lẫn vào nhau) : hoà đồng, hoà tấu, hoà tan, hoà mạng, hoà âm, hoà quyện.

7. Ê-mi-li, Mo-ri-xơn, Giôn-xơn, Pô-tô-mác, Oa-sinh-tơn.

8. HS tự làm. Gợi ý : mang bom đạn, hơi độc đến Việt Nam để đốt bệnh viện, đốt trường học, giết mọi người, giết trẻ em, giết những cánh đồng xanh, huỷ hoại những điều tốt đẹp.

9. HS tự làm. Gợi ý : a) chú muốn ngọn lửa mình đốt lên sẽ thức tỉnh mọi người, làm mọi người nhận ra sự thật về cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa, tàn bạo của chính quyền Mĩ ở Việt Nam ; b) chú Mo-ri-xơn đã tự thiêu để đòi hoà bình cho nhân dân Việt Nam, vì chú là người dám xả thân vì việc nghĩa.

10. HS tự làm.

11. âm, nghĩa.

12. Các từ *đồng* là những từ đồng âm. *Đồng* trong câu a chỉ khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cấy cây, trồng trọt. *Đồng* trong câu b chỉ kim loại màu đỏ. *Đồng* trong câu c là đơn vị tiền tệ của Việt Nam.

13. Khoanh vào các từ đồng âm : a) đá - đá ; b) bàn - bàn ;

Phân biệt các từ đồng âm.

a) Nghĩa của từ đá trong các từ đồng âm

- đá 1 : đưa nhanh chân và hất mạnh về phía trước.

- đá 2 : chất rắn cấu tạo nên vỏ trái đất, kết thành từng tảng, từng hòn.

b) Nghĩa của từ bàn trong các từ đồng âm

- bàn 1 : đồ dùng có mặt phẳng , có chân, dùng để làm việc.

- bàn 2 : trao đổi ý kiến.

TUẦN 6

1. a) vàng, kim cương, nạn phân biệt chủng tộc ; b) rất khổ cực, phải làm những công việc nặng nhọc, bẩn thỉu ; bị trả lương thấp ; phải sống, chữa bệnh, đi học ở những khu riêng ; không được hưởng một chút tự do, dân chủ nào.

2. a, b, c.

3. a) - Tiếng có ưa : Rửa, mưa ; - Tiếng có ươ : Nước, đường, tưới, vườn.

b) chữ cái đầu ; chữ cái thứ hai.

4.

Tiếng	Vị trí dấu thanh	
	Ở chữ cái đầu ghi âm chính	Ở chữ cái thứ hai ghi âm chính
lúa	ú	
lười		ười
mượn		ượn
củ	ủ	

5. 1 - d ; 2 - a ; 3 - e ; 4 - b ; 5 - c.

6. a) hợp tác ; b) hợp tuyến ; c) hợp tình, hợp lí ; d) hữu nghị.

7. HS tự làm.

8. b.

9. Cụ già coi bọn phát xít là kẻ cướp.

10. HS tự làm. Gợi ý : Truyện ca ngợi cụ già người Pháp thông minh, biết phân biệt người Đức với bọn phát xít Đức và đã dùng tên của vở kịch của Si-le để dạy cho tên sĩ quan phát xít hống hách một bài học nhẹ nhàng mà sâu cay.

11.

Quốc hiệu, tiêu ngữ

Nơi và ngày viết đơn

Tên của đơn

Nơi nhận đơn

Nội dung đơn :

- Giới thiệu bản thân

- Trình bày lí do viết đơn.

Chữ kí và họ tên người viết đơn

12. a) Lời giải : con bò thui. Từ *chín* được hiểu theo 2 nghĩa : *chín* là số đếm (chín cái tai, chín cái mắt) và *chín* là tính từ chỉ trạng thái đã nấu hoặc nướng ; b) Chơi chữ bằng cách dùng hiện tượng từ đồng âm khác nghĩa giữa từ đơn tiết với tiếng trong từ đa tiết : đầu - đầu xoa ; bắp - bắp chuối ; than - than thân ; bạc - bạc tình.

13.

Đoạn văn 1

a)

- Câu đầu tiên : Biển luôn thay đổi màu tùy theo sắc mây trời.
- Tác giả đã quan sát bầu trời và mặt biển vào những lúc : bầu trời xanh thẳm, bầu trời rải mây trắng nhạt, bầu trời âm u, bầu trời ảm ảm đông gió.
- Những liên tưởng của tác giả khiến biển trở nên gần gũi với con người hơn.

b)

- Suốt ngày : từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn, buổi sáng, giữa trưa và lúc trời chiều.
- Ánh nắng rùng rục đổ lửa xuống mặt đất ; con kênh phơn phớt màu đào ; hoá thành dòng thuỷ ngân cuộn cuộn loá mắt ; biến thành một con suối lửa lúc trời chiều.

14. HS tự làm. Gợi ý :

1) Tham khảo dàn ý tả cảnh con sông sau đây :

a) Mở bài : Tên sông và nét khái quát về con sông.

b) Thân bài : Phối hợp tả theo trình tự không gian và thời gian.

- Dòng sông :

+ Nước trong xanh.

+ Sóng gợn lăn tăn, vẻ hiền hoà.

- Hai bên bờ sông : bên bồi bên lở

+ Bên lở có những ngôi nhà ẩn dưới hàng cây, có những bậc từ trên cao xuống cây cầu rửa.

- + Bên bờ là đất phù sa xốp mịn, những cánh đồng lúa, những luống khoai lang, những vạt ngô xanh tươi.
- + Bầy chim ríu rít sà xuống, những cánh cò lấp lánh sang sông.
- Cảnh con sông từ sáng sớm đến khuya :
- + Sáng sớm : sương mù nhẹ giăng
- + Nắng trưa, mây trời trong xanh in bóng.
- + Buổi chiều rắng đỏ hắt trên sông.
- + Đêm trăng bát ngát, ngàn sao lấp lánh in bóng trên sông.
- Cảnh những con thuyền qua lại trên sông, những người dân kiếm sống ven sông và trên sông.

c) Kết bài : Con sông nhỏ gắn với thời thơ ấu và kỉ niệm tuổi thơ.

2) Tham khảo đoạn văn tả cảnh biển của nhà văn Vũ Tú Nam

Biển rất đẹp ! Buổi sáng, nắng sớm tràn trên mặt biển. Mặt biển sáng trong như tấm thảm khổng lồ bằng ngọc thạch. Những cánh buồm trắng trên biển được nắng sớm chiếu vào sáng rực lên, ở xa trông như đàn bướm trắng lượn giữa trời xanh.

Buổi chiều nắng tàn, mát dịu, biển trong xanh như màu mỡ nhai. Xa xa, về phía bắc, mấy ngọn núi màu tím pha hồng. Những đợt sóng nhẹ liếm lên bãi cát, tung bọt trắng xoá.

TUẦN 7

1. Thuỷ thủ trên tàu cướp hết tặng vật và đòi giết A-ri-ôn.

2. A-ri-ôn xin bọn cướp cho ông đứng trên boong tàu để hát bài hát mình yêu thích rồi bất ngờ nhảy xuống biển. Bầy cá heo đã bơi đến cứu ông, đưa ông về đất liền nhanh hơn cả bọn cướp.

3. HS tự làm. Gợi ý : Câu chuyện khen ngợi sự thông minh, tình cảm gắn bó đáng quý của loài cá heo với con người.

4. kìa, kiến, Kiến.

5. HS tự làm. Gợi ý : từ ngon :

- Món ăn mẹ nấu ngon quá !

- Hôm qua em ngủ rất ngon.

6. a) đêm trăng trên sông, một cô gái Nga đang đánh đàn ; b) Tiếng đàn của cô gái Nga, có dòng sông lấp lánh dưới trăng, các sự vật được nhân hoá : công trường say ngủ, tháp khoan ngẫm nghĩ, xe ben sóng vai nhau nằm nghỉ ; c) sức mạnh kì diệu "dời non lấp bể" của con người. Con người đã đắp đập ngăn sông, tận dụng sức nước sông Đà, tạo thành hồ nước mênh mông như biển giữa một vùng đất cao.

7. HS tự làm. Gợi ý :

a) Mở bài : câu mở đầu.

b) Thân bài : 3 đoạn tiếp theo, mỗi đoạn tả đặc điểm của một cảnh

- Đoạn 1 : Miêu tả sự kì vĩ của vịnh Hạ Long.

- Đoạn 2 : Miêu tả vẻ duyên dáng của vịnh Hạ Long

- Đoạn 3 : Miêu tả những nét riêng biệt, hấp dẫn của Hạ Long qua mỗi mùa.

c) Kết bài : câu văn cuối.

8. 1 - d, 2 - c ; 3 - a ; 4 - e, 5 - b.

9. a) dùng bữa ; b) tổn (hao) ; c) chịu, bị ; d) hợp, hài hoà ; e) được (ngang giá) ; g) dính ; h) hấp thụ, nhiễm vào.

TUẦN 8

1. 1 - c ; 2 - a ; 3 - d ; 4 - b.

2. HS tự làm. Gợi ý : Đoạn văn làm cho em rất háo hức, muốn có dịp vào rừng, tận mắt ngắm nhìn cảnh đẹp của thiên nhiên./ Vẻ đẹp của khu rừng thật kì diệu./ Tác giả tả cảnh đẹp của khu rừng thật tài tình và sống động./ Đoạn văn giúp em thấy yêu mến những cánh rừng và mong muốn mọi người hãy bảo vệ vẻ đẹp của rừng.

3. a) thuyền ; b) đặt ở chữ cái thứ hai của âm chính - chữ ê.

4. HS tự làm. Gợi ý : khuya, pơ-luya, xanh-tuya, phéc-mơ-tuya.

5. HS tự làm. Gợi ý : a) mệnh mông, thênh thang, bát ngát ; b) hun hút, hoắm hoắm ; c) chất ngất, vùi vùi, vùi vùi.

6. HS tự làm. Gợi ý : a) Tiếng sóng biển rì rào vỗ vào bờ cát. b) Những gợn sóng lăn tăn trên mặt hồ. c) Dòng sông nổi sóng cuộn cuộn.

7. HS tự làm. Gợi ý : Đó là một đèo cao giữa hai vách đá ; từ đỉnh đèo có thể nhìn thấy cả một khoảng trời lộ ra, có mây bay, có gió thổi, tạo cảm giác như đó là cổng để đi lên trời.

8. HS tự làm. Gợi ý :

Từ cổng trời nhìn ra, qua màn sương khói huyền ảo có thể thấy cả một không gian mệnh mông, bất tận, những cánh rừng ngút ngàn cây trái và muôn vàn sắc màu cỏ hoa, những vạt nương, những lòng thung lúa đã chín vàng màu mặt đong, khoảng trời bồng bềnh mây trôi, gió thổi. Xa xa kia là thác nước trắng xóa đổ xuống từ triền núi cao, vang vọng, ngân nga như khúc nhạc của đất trời. Bên dòng suối mát trong uốn lượn dưới chân núi, đàn dê thông dong soi bóng mình xuống đáy nước. Không gian gợi vẻ nguyên sơ, bình yên, như trong một cõi mơ.

Cảnh rừng sương giá như ấm lên với hình ảnh con người. Ai nấy tất bật, rộn ràng với công việc : người Tày từ khắp các ngã đi gặt lúa, trồng rau ; người Giáy, người Dao đi tìm măng, hái nấm ; tiếng xe ngựa vang lên suốt triển rừng hoang dã ; những vạt áo chàm nhuộm xanh cả nắng chiều.

9. HS tự làm.

10. a) từ *mũi* ở câu 1, 2, 3 là từ nhiều nghĩa ; b) từ *bay* ở các câu 1, 3, 4 là từ nhiều nghĩa, từ *bay* ở câu 2 là từ đồng âm ; c) từ *buông* ở câu 1, 2 là từ nhiều nghĩa, từ *buông* ở câu 3 là từ đồng âm.

11.

	Từ mang nghĩa gốc	Từ mang nghĩa chuyển
a)	Từ <i>sắt</i> trong "ngựa <i>sắt</i> ", "có công mài <i>sắt</i> có ngày nên kim"	Từ <i>sắt</i> trong "kỉ luật <i>sắt</i> "
b)	Từ <i>bụng</i> trong "no <i>bụng</i> đói con mắt"	Từ <i>bụng</i> trong "bụng bảo dạ", "suy <i>bụng</i> ta ra <i>bụng</i> người"
c)	Từ <i>vai</i> trong "vắt áo lên <i>vai</i> ".	Từ <i>vai</i> trong các trường hợp còn lại.

12. HS tự làm. Gợi ý :

- a) Mùa xuân đã đến, muôn hoa đâm chồi, khoe sắc.
- b) Những chàng thanh niên ấy tràn trẻ sức xuân.
- c) Người chiến sĩ lên đường ra trận khi vừa tròn 20 xuân xanh.

13. 1 - c ; 2 - a ; 3 - d ; 4 - b.

TUẦN 9

1. a) lúa gạo ; lúa gạo nuôi sống con người ; b) vàng ; có vàng là có tiền, có tiền sẽ mua được lúa gạo ; c) thì giờ ; có thì giờ mới làm ra được lúa gạo, vàng bạc ;

2. HS tự làm. Gợi ý : Có hợp lí, vì bài văn thuật lại cuộc tranh luận giữa ba người bạn, ai cũng có những lí lẽ đúng ; sau đó, cuộc tranh luận đi đến được một kết luận rõ ràng nhờ những phân tích và dẫn dắt để khẳng định điều đó.

3.

Tiếng	Từ ngữ	Tiếng	Từ ngữ
nê	<i>no nê</i>	nơ	<i>cái nơ</i>
lê	<i>lê la, quả lê, lê lết</i>	lơ	<i>lơ ngơ, lơ lảo</i>

nô	ca-nô, nô đùa	nên	nên người, cho nên
lô	lô đất, lô cốt	lên	lên núi, tiến lên

4.

chờn vờn	luống cuống	bẽn lẽn
tản mát	tản ngắn	sáng láng
láng máng	lủn mủn	than vãn

5. HS tự làm. Gợi ý : a) la liệt, lả lướt, lạ lùng, lam lũ, lạnh lẽo, lảng lạng, lập loè, lung linh, lấm láp, liếm láp ; b) loạng choạng, chang chang, vang vang, sang sảng, vắng vắng, lũng bông, leng keng, lúng túng, chằng màng, loáng thoáng.

6. - Từ ngữ thể hiện sự so sánh : xanh như mặt nước mênh mông trong ao.

- Từ ngữ thể hiện sự nhân hoá : được rửa mặt sau cơn mưa/ dịu dàng/ buồn bã/ trầm ngâm nhớ tiếng hót của bầy chim sơn ca, ghé sát mặt đất/cúi xuống lắng nghe

7. HS tự làm.

8. cây bình bát, cây bần, cây đước.

9. Dưới sông "sấu cắn mũi thuyền", trên cạn "hổ rình xem hát".

10. HS tự làm. Gợi ý : Đoạn 1 : Mưa đông ở Cà Mau ; Đoạn 2 : Cây cối và nhà cửa ở Cà Mau ; Đoạn 3 : Con người Cà Mau.

11. HS tự làm. Gợi ý : 1) Phải có hiểu biết về vấn đề được thuyết trình, tranh luận vì nếu không hiểu sâu sắc vấn đề thì không thể có điều gì để tham gia tranh luận ; 2) Phải có ý kiến riêng về vấn đề được thuyết trình, tranh luận vì nếu không, sẽ nói dựa, nói theo người khác ; 3) Phải biết cách nêu lí lẽ và dẫn chứng, biết trình bày, lập luận để thuyết phục người đối thoại.

12. HS tự làm. Gợi ý : Trong thuyết trình và tranh luận, nói theo ý kiến của số đông không phải là điều kiện đầu tiên có tính chất quyết định. Khi tranh luận, không nhất thiết ý kiến của số đông là đúng. Người tham gia thuyết trình, tranh luận cần có chính kiến, có suy nghĩ riêng, biết đưa lí lẽ và dẫn chứng để bảo vệ ý kiến, thuyết phục mọi người.

13. Gạch dưới các từ : a) ta ; b) tôi ; c) bạn, ta ; d) Tao, mày, Tao, mày.

14. tôi, các bạn, ông, cháu.

15. HS tự làm. Gợi ý : Có thể thay như sau :

Ngày xưa, có một cậu bé lên sáu tuổi rồi mà vẫn bé tí ti, bé chỉ bằng ngón tay cái thôi, cho nên ai cũng gọi là cậu bé Tí Hon.

Nhà Tí Hon nghèo lắm. Bố mẹ cậu phải đi chăn trâu thuê cho địa chủ mà vẫn không có cơm ăn cho đủ no, áo mặc cho đủ ấm. Tí Hon rất thương bố mẹ, cậu chỉ muốn đi làm đỡ bố mẹ.

16. HS tự làm. Gợi ý : Tham khảo đoạn cuối của truyện.

Cả bọn tranh cãi với nhau xong lại ngẫm nghĩ : “Ừ, ai nói cũng đúng cả. Thôi, để cậu chủ sẽ phân giải”. Nhưng Máy Bay cho rằng cậu chủ thích xe ô tô, ông chủ thì hay dùng xe đạp luyện tập buổi sáng nên sẽ không công bằng. Thế là chúng quyết định chọn bà chủ vì bà là cô giáo, vừa hiểu biết nhiều lại công bằng. Đến chiều bà chủ về, chúng kéo lại nhờ bà phân giải. Nghe xong, bà chủ nói : - Loại phương tiện giao thông nào cũng quan trọng cả vì đều có ích cho mọi người. Nhưng điều quan trọng hơn cả là tất cả các loại phương tiện giao thông đều phải thực hiện đúng luật giao thông, luật đi đường thì mới không xảy ra tai nạn, và chỉ có an toàn giao thông mới đem lại hạnh phúc cho mọi người. Bấy giờ cả bọn mới ò lên sung sướng : “VẬY mà chúng mình cứ mất thì giờ tranh cãi mãi”.

TUẦN 10

1. HS tự làm.

2. HS tự làm.

3.

	Việt Nam - Tổ quốc em	Cánh chim hoà bình	Con người với thiên nhiên
Danh từ	Tổ quốc, quốc gia, quê mẹ, đồng bào, công nhân	trái đất, cuộc sống, tình hữu nghị	biển cả, bầu trời, núi đồi, nương rẫy, sông ngòi
Động từ	bảo vệ, giữ gìn, kiến thiết, kiên cường	vui vầy, hợp tác	chinh phục, lao động, tô điểm
Tính từ	vẻ vang, giàu đẹp, cần cù, anh dũng	thái bình, tự do, bình yên	bao la, xanh biếc, hùng vĩ, khắc nghiệt
Thành ngữ, Tục ngữ	quê cha đất tổ, giang sơn gấm vóc, uống nước nhớ nguồn	chia ngọt sẻ bùi, nối vòng tay lớn, vui như mở hội	bão táp mưa sa, muôn hình muôn vẻ

4. a) Di Năm ; b) Lĩnh ; c) Cai ; d) Di Năm ; e) Chú cán bộ.

5. - bạo dạn, dạn dĩ, mạnh bạo ; - gọn gàng, gọn ghẽ, - lưu thông, thông suốt ; - gập ghềnh, gồ ghề, khắp khểnh, lồi lõm ; rảnh rang, rảnh rỗi, rỗi rãi, thanh nhàn, thư nhàn

6. a) dài ; b) thơm ; c) hiền ; d) thanh nhàn ; e) bất nghĩa ; g) vui.

7. HS tự làm. Gợi ý : a) Các từ Xuân, hè, thu, đông là từ đồng âm, chỉ tên bốn mùa trong năm ; đồng thời, Xuân còn là tên riêng; thu (tên một loài cá) ; đông (có rất nhiều người tụ tập lại cùng một lúc, một nơi) ; b) Các từ Hươu, Nai, Nghé, bò là các từ chỉ tên động vật ; đồng thời Hươu còn là tên riêng; Đồng Nai, Bến Nghé là từ chỉ tên địa danh.

TUẦN 11

1. 1 - d ; 2 - a ; 3 - b ; 4 - c.

2. Đất lành chim đậu.

3. lúc, làng, lớp, lánh, lại, nở, nổi.

4. Sóng, lớn, ván, đóng, nhàn, Không, đứng, tàn, Chông, chan, khen, ngon.

5. Gạch chân các từ : nó, anh, em.

6.

Đối tượng	Gọi	Tự xưng
Thầy, cô	thầy, cô	em, con
Bố, mẹ	bố, ba, cha, mẹ, má, u, bu	con
Anh, chị	anh, chị	em
Bạn bè	bạn, cậu, đấng ấy	tôi, tớ, mình
Em	em	anh (chị)

7. Nó chết trong cơn bão. Xác nó lạnh ngắt, lại bị mèo tha đi. Sẻ chết để lại trong tổ những quả trứng. Không còn mẹ ấp ủ, những chú chim non sẽ mãi mãi chẳng ra đời.

8. Hình ảnh những quả trứng không có mẹ ấp ủ để lại cho tác giả ấn tượng sâu sắc, khiến tác giả thấy chúng cả trong giấc ngủ, tiếng lặn như đá lở trên ngàn.

9. HS tự làm. Gợi ý : Tâm trạng ân hận, day dứt của tác giả, vì vô tâm nên đã gây ra cái chết của chú chim sẻ nhỏ. Qua đó, bài thơ muốn nói với chúng ta rằng : Đừng vô tình trước những sinh linh bé nhỏ trong thế giới quanh ta.

10. Gạch dưới các từ : như (nối *Những hoa quý* với *hoa hồng, hoa cúc, hoa mặt trời*), và (nối *Những hoa quý* ; với *những loại hoa tầm thường*), Nhưng (biểu thị quan hệ tương phản) ; và (nối *lắm mồm lắm miệng khoe sắc khoe hương* với *cũng hay dèm pha*), như (nối *gãy* với *những chiếc que, đầu bù tóc rối* với *tổ quạ, bưng bưng* với *say rượu*).

11. a) và, và ; b) nhưng, và ; c) vì, Nhưng ; d) như, của, với.

12. HS tự làm. Gợi ý : Nêu rõ lí do : Rất yêu thích môn thể thao đó và muốn giao lưu với những người có cùng sở thích.

TUẦN 12

1. Lập đi lập lại các từ *hương* và *thơm*.

2. Câu 2 khá dài, lại có những từ như *lướt thướt, quyến, rải, ngọt lịng, thơm nồng* gợi cảm giác hương thơm lan toả kéo dài. Các câu sau rất ngắn : *Gió thơm. Cây cỏ thơm. Đất trời thơm.* lập lại từ *thơm*, như tả một người đang hít vào để cảm nhận mùi thơm của thảo quả lan trong không gian.

3. HS tự làm. Gợi ý : Cảm nhận được vẻ đẹp, hương thơm đặc biệt, sự sinh sôi, phát triển nhanh đến bất ngờ của thảo quả ; nghệ thuật miêu tả đặc sắc và những so sánh giàu hình ảnh của tác giả.

4. HS tự làm. Gợi ý :

Từ có 1 tiếng chứa s và 1 tiếng chứa x	Từ có các tiếng chứa s	Từ có các tiếng chứa x
sản xuất, xổ số, xứ sở, sơ xuất	su su, sâu sắc, sơ sài, sơ sơ, sơ sinh, son sắt, so sánh, sợ sệt, sơ sẩy, sóng sánh, sạch sẽ, sạch sành sanh, sai sót	xó xỉnh, xơ xác, xác xơ, xun xoe, xuyết xoa, xoắn xuyết, xôn xao

5. a) ngan ngát, san sát, chan chát ; b) sồn sột, dòn dốt, mồn mọt, tôn tốt ; c) vùn vụt, ngùn ngụt, vun vút, chùn chụt ; d) khang khác, bàng bạc, cang cạc, nhang nhác ; e) xồng xộc, công cốc, tông tặc, cồng cộc ; g) sùng sục, khùng khục, nhung nhúc, trùng trục.

6. a) Khu bảo tồn thiên nhiên; b) Khu dân cư ; c) Khu sản xuất ;

7. HS tự làm. Gợi ý :

- Mọi người góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.
- Đơn vị bộ đội vừa chiến đấu, vừa rút lui để bảo toàn lực lượng.
- Chúng em đi tham quan khu bảo tồn thiên nhiên.
- Người điều khiển và ngồi trên xe gắn máy cần đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông.
- Hải sản được bảo quản trong thùng đá.
- Nhà bảo tàng đón hàng trăm lượt khách tham quan mỗi ngày.

8.

Với đôi cánh đầm nắng trời

Bầy ong bay đến tron đời tìm hoa

Không gian là nẻo đường xa

Thời gian vô tận mở ra sắc màu.

9. 1 - c ; 2 - a ; 3 - b.

10. HS tự làm. Gợi ý : Bài thơ ca ngợi loài ong chăm chỉ, cần cù, làm một công việc vô cùng hữu ích cho đời : nối các mùa hoa, giữ hộ cho con người những mùa hoa đã tàn phai.

11. HS tự làm. Gợi ý :

Mở bài : Trong gia đình em, người em yêu quý và gần gũi nhất là bố (hoặc mẹ) em.

Thân bài :

a) Tả hình dáng

Nêu các ý về : tuổi, tầm vóc, mái tóc, khuôn mặt, mắt, mũi, miệng, nước da, dáng đi đứng, cách ăn mặc.

b) Tả tính tình và hoạt động

- Nêu các ý về lời nói, cử chỉ, thói quen, cách cư xử với em và mọi người.

Kết bài : Nói lên tình cảm của em với bố (mẹ).

12. a) vì ; b) tuy, nhưng ; c) và ; d) như ; e) của.

13. HS tự làm. Gợi ý :

a) Mái tóc bà : đen nhánh, dày, phủ kín hai vai, xoã xuống ngực, xuống đầu gối.

b) Đôi mắt : (khi bà cười) hai con người đen sẫm nở ra, long lanh, dịu hiền, ánh lên những tia sáng ấm áp, vui tươi.

c) Khuôn mặt : đôi má ngăm ngăm có nhiều nếp nhăn, nhưng khuôn mặt vẫn tươi trẻ.

d) Giọng nói : trầm bổng, ngân nga như tiếng chuông.

14. HS tự làm. Gợi ý :

- Bắt lấy thỏi thép hồng như bắt một con cá sống.

- Quai những nhát búa hăm hở (khiến con cá lửa vùng vẫy, quần quai, giãy đành đạch, vẫy bắn tung toé.

- Quặp thỏi thép trong đôi kìm sắt dài, dúi nó vào giữa đồng than hồng, lệnh cho thợ phụ thổi bể.

- Lôi con cá lửa ra, quật nó lên đe, hăm hăm quai búa, nói oang oang.

- Trở tay ném thỏi sắt vào chậu nước.

- Liếc nhìn lưới rựa như một kẻ chiến thắng rồi lại bắt đầu một cuộc chinh phục mới.

TUẦN 13

1. Khi thấy dấu chân người lớn trong rừng, bạn đã thắc mắc vì hai ngày qua không có khách tham quan. Sau đó, bạn lần theo dấu chân để tìm ra vì sao có vết chân. Khi phát hiện bọn trộm gỗ, bạn lên chạy theo đường tắt, gọi điện thoại báo công an.

2. Biểu dương ý thức bảo vệ rừng, sự thông minh và dũng cảm của một bạn nhỏ.

3. a) - bầy chim sâm cầm ; giặc ngoại xâm ; giọt sương ; xương cốt, say sưa, ngày xưa ngày xưa ; siêu thị, liêu xiêu.

b) HS tự làm. Gợi ý :

- con chuột, trong suốt, nhai nuốt, ruột thịt
- luộc rau, uống thuốc, cuộc đất, cuộc thi
- xanh mướt, lướt sóng, ướt sũng
- dây cước, ao ước, bắt chước, ngược mắt
- viết lách, chiết cành, tha thiết, hiểu biết
- giấy thiếc, xem xiếc, liếc mắt

4. a) Điền lần lượt vào các chỗ trống : Sáng, sớm, Sương, xong.

b) Điền lần lượt vào các chỗ trống : hết, tóc, hốc, hút, suốt, suốt, Rét, rét, các, rục, lột, lóc, cóc, các, mặt, nước, rắc, mặt, biếc, mọc, một, rất, thật, thật, lúc.

5. 1 - c ; 2 - a ; 3 - d ; 4 - b.

6. HS tự làm. Gợi ý :

a) Hành động bảo vệ môi trường : giữ vệ sinh nhà cửa, trường lớp, giữ sạch nguồn nước, trồng cây gây rừng, trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc, bảo vệ các loài vật có ích, ngăn chặn các hành vi phá hoại môi trường.

b) Hành động phá hoại môi trường : làm ô nhiễm nguồn nước, xả khói, chất độc hại vào không khí, phá rừng, đánh cá bằng mìn, xả rác bừa bãi, đốt nương, săn bắn thú rừng, buôn bán động vật hoang dã.

7. a) nhiệt đới, nước mặn ; b) chiến tranh, lấn biển ; c) bảo vệ, thu nhập, phong phú

8. Bài văn là một văn bản phổ biến khoa học giúp người đọc hiểu trồng rừng ngập mặn có tác dụng bảo vệ vững chắc đê biển, tăng thu nhập cho người dân nhờ tăng sản lượng thu hoạch hải sản.

9. HS tự làm. Gợi ý :

- a) - Vóc dáng : cao hơn bạn cùng lứa hẳn một cái đầu.
- Làn da : rám đỏ, khoẻ mạnh.
- Thân hình : rắn chắc, nở nang : cổ mập, vai rộng, ngực nở căng, bụng thon hẳn rõ những múi, hai cánh tay gân guốc như hai cái bơi chèo, cặp đùi để to, chắc nịch nịch.
- Mắt : to và sáng.
- Miệng : tươi, hay cười.

- Trán : hơi dô ra.

b) Thắng là cậu bé miền biển, bơi giỏi, khoẻ mạnh, rắn rỏi, thông minh, bướng bỉnh, gan dạ.

c) Kết luận : Khi tả ngoại hình nhân vật, phải chọn tả được những nét tiêu biểu. Các chi tiết miêu tả phải có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau, giúp khắc hoạ rõ nét tính cách nhân vật, qua ngoại hình có thể thấy cả nội tâm, tính cách.

10. a) Tuy ; b) nhưng ; c) Mặc dầu ; d) Nhưng.

11. HS tự làm. Gợi ý :

a) Cây gạo cổ thụ từ nãy vẫn để ý đến Bé. Tuy cao lớn ngang trời nhưng cây vẫn nghe rất rõ lời ước ao của người bạn bé nhỏ.

b) Tuy Mây đang đau đớn đến tột cùng nhưng vẫn dũng cảm chịu đựng, không để lộ chút yếu đuối của lòng mình.

c) Mặc dù / Tuy đám hát vẫn tiếp tục biểu diễn, nhưng tôi không còn lòng dạ nào xem nữa.

d) Tuy tôi đã cố lắm nhưng lạ sao lúc ấy tôi vẫn tỏ ra dụi dàng được.

12. HS tự làm.

TUẦN 14

1. Pi-e, cô bé Gioan và chị cô bé Gioan.

2. Cả ba người đều tốt bụng và nhân hậu, biết quan tâm, sống vì nhau, biết đem lại niềm vui, hạnh phúc cho nhau.

3. Ca ngợi những con người có tấm lòng nhân hậu, thương yêu người khác, biết đem lại niềm hạnh phúc, niềm vui cho người khác.

4. a) tranh giành, chanh leo, tranh chấp, vẽ tranh ; b) trứng dụng, bánh chưng, sáng trứng ; c) trứng tuyền, công chúng, chúng ta, dân chúng, trứng địch, chúng sinh ; d) trèo cao ngã đau, chèo lái, chèo chống.

5.

bánh bao	con cháu	cơm cháo	bao tải
rau dưa	bao bọc	bao la	quý báu
châu báu	báu bở	cháo hoa	nhật rau
cháu chắt	bao biện	táo tợn	lầu tầu
cây tấu	rao hàng	rau cháo	tiếng rao

2. Tình cảm của người dân buôn Chu Lênh với cô giáo, với "cái chữ" thể hiện nguyện vọng thiết tha của người dân cho con em mình được học hành, thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

3. a) chống trả, chà xát, chào hỏi, đánh tráo, bún chửi, trà đá, tuôn trào, bát cháo ;
b) mỡ màng, bão dông, rau cải, ngô xóm, mỡ mang, bảo ban, cãi cọ, thư ngộ.

4. a) phúc lợi ; b) vô phúc ; c) bất hạnh ; 4) khổ cực ; 5) phúc đức ; 6) sung sướng ;
7) phúc lộc ; 8) phúc hậu.

5. HS tự làm. Gợi ý : Ông cụ ăn ở rất phúc đức ; Nhà nước cố gắng nâng cao phúc lợi cho người dân ; Gia đình ấy có phúc lộc dồi dào ; Bà cụ trông rất phúc hậu.

6. cái lồng, mầm cây, bài thơ sắp làm xong, bức tranh, trẻ nhỏ.

7. Những hình ảnh đó được gọi là những hình ảnh nhân hoá, làm cho ngôi nhà được miêu tả sống động, gần gũi.

8. HS tự làm. Gợi ý : Trong bài có nhiều hình ảnh đẹp. HS có thể tuỳ chọn và nêu lí do.

9. HS tự làm.

10. a) cha, chú, mẹ, dì ; b) Chị, em ; c) thầy ; d) Anh em ; e) Con, cha ; g) cha, mẹ.

11. HS tự làm. Gợi ý : a) mưa, gió, sấm, chớp, bão, dông, nhật thực, nguyệt thực, sóng thần, động đất, mưa đá, lốc xoáy ; b) nhà, cửa, cầu, đường, máy bay, ô tô, xe máy.

12. a) Miêu tả mái tóc : đen nhánh, muối tiêu, bạc phơ, óng mượt, xơ xác, lơ thơ ;
b) Miêu tả đôi mắt : ti hí, đen láy, tinh anh, lơ lơ, lim dim, mờ màng ; c) Miêu tả khuôn mặt : trái xoan, bầu bĩnh, lười cày, vuông chữ điền, thanh tú ; d) Miêu tả làn da : nõn nà, ngăm ngăm, bánh mật, xù xì, mịn màng, nhăn nheo ; e) Miêu tả vóc người : vạm vỡ, mập mạp, thanh mảnh, tầm thước, nho nhỏ.

13. HS tự làm.

14. HS tự làm.

15. HS tự làm.

TUẦN 16

1. - Giàu lòng nhân ái : Nghe tin con người thuyền chài bị bệnh đậu nặng, ông tự đến thăm, tận tụy chăm sóc suốt cả tháng trời, không ngại khổ, ngại bẩn, không lấy tiền mà còn cho họ gạo, củi.

- Không màng danh lợi : Ông nhiều lần được vua chúa vời vào cung chữa bệnh và được tiến cử vào chức ngự y nhưng đã khéo chối từ.

2. Việc đó chứng tỏ ông là một thầy thuốc có lương tâm và trách nhiệm. Ông coi việc không đến kịp để cứu sống được bệnh nhân là phạm tội vì chưa làm tròn trách nhiệm của người thầy thuốc.

3. a) giá rẻ, đất rẻ, rẻ quạt, rẻ sườn, hạt rẻ, mảnh rẻ, giẻ lau, giẻ rách ; b) râu bột, mưa râu, dây thừng, nhảy dây, giây phút, giây mực, dây dưa, dây chun.

4. HS tự làm. Gợi ý :

a)

Vần	Âm đầu v	Âm đầu d
anh	vành khuyên, màu xanh,	đỡ dành, danh sách, điểm danh, công danh
ao	ra vào	đổi dào
ang	vẻ vang, vàng bạc	dang tay, dễ dàng, dềnh dàng
ong	đưa vòng, tiêu vong	dông dạc, thông dong
ông	tắm vòng, cầu vồng	mưa đông

b) ngủ thiếp đi ; gà con kêu chiêm chiếp ; mắt lim dim ; con bìm bịp.

5. a) Gọi dạ bảo vâng ; Giấy rách phải giữ lấy lề ; c) Vỏ quýt dày, móng tay nhọn ; d) Thời gian là vàng bạc ; e) Được làm vua, thua làm giặc.

6. HS tự làm. Gợi ý :

Từ	Đồng nghĩa	Trái nghĩa
dũng cảm	anh dũng, gan dạ	hèn nhát, nhu nhược
trung thực	chân thật, thành thực	gian dối, lừa đảo
nhân hậu	nhân từ, phúc hậu	độc ác, tàn bạo
cần cù	chăm chỉ, siêng năng	lười biếng, lười nhác

7. HS tự tìm. Gợi ý : Ăn ngay nói thật, mọi sự điều lành ; Có chí, thì nên ; Chết trong còn hơn sống đục ; Đói cho sạch, rách cho thơm ; Một điều nhịn, chín điều lành ; Năng làm, thì nên ; Nói một đàng, làm một nẻo ; Qua cầu rút ván ; Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng ; Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.

8. Ví dụ đã hiểu việc cúng bái không chữa khỏi bệnh cho con người, chỉ có thầy thuốc mới làm được việc đó.

9. HS tự làm. Gợi ý : Phê phán cách suy nghĩ mê tín dị đoan, giúp mọi người hiểu rằng cúng bái không thể chữa khỏi bệnh, chỉ có khoa học và bệnh viện mới có thể khám và chữa bệnh cho mọi người.

10. HS tự làm.

11. a) xanh biếc, trắng tinh ; b) xanh rờn ; c) đỏ tươi ; d) vàng tươi.

12. 1 - d ; 2 - g ; 3 - a ; 4 - b ; 5 - c ; 6 - e.

13. HS tự làm. Gợi ý :

	Biên bản cuộc họp	Biên bản vụ việc
Giống nhau	<ul style="list-style-type: none">- Mục đích : Ghi lại diễn biến để làm bằng chứng.- Phần mở đầu : Có quốc hiệu, tiêu ngữ, tên biên bản- Phần chính : Thời gian, địa điểm, thành phần có mặt, diễn biến sự việc.- Phần kết : ghi tên, chữ kí của người có trách nhiệm.	
Khác nhau	Có báo cáo, phát biểu.	Có lời khai của những người có mặt.

TUẦN 17

1. 1 - c ; 2 - a ; 3 - b.

2. HS tự làm. Gợi ý : Nhờ quyết tâm và tinh thần vượt khó, ông Lin đã chiến thắng đói nghèo, lạc hậu. Bằng trí thông minh và lao động sáng tạo, ông Lin đã làm giàu cho mình, làm cho cả thôn từ nghèo đói vươn lên thành thôn có mức sống khá/ Muốn có cuộc sống hạnh phúc, ấm no, con người phải dám nghĩ, dám làm.

3. a) Mô hình cấu tạo vần

Tiếng	Vần		
	Âm đệm	Âm chính	Âm cuối
Trời		ơ	i
trong		o	ng

đầy		â	y
tiếng		iê	ng
rì		i	
rào		a	o
Đàn		a	n
cò		o	
đánh		a	nh
nhịp		i	p
bay		a	y
vào		a	o
bay		a	y
ra		a	

b) Tiếng rào bắt vần với tiếng vào ; c) ó.

4.

a) Đường / vô / xứ / Nghệ / quanh quanh

Non / xanh / nước / biếc / như / tranh / hoạ đồ.

b)

Tiếng	Từ đơn	Từ phức	
		Từ ghép	Từ láy
Từ ở trong khổ thơ	Đường, vô, xứ, Nghệ, non, xanh, nước, biếc, như, tranh	hoạ đồ	quanh quanh
Từ tìm thêm	HS tự làm	HS tự làm	HS tự làm

5. 1 - b ; 2 - c ; 3 - d ; 4 - a.

6. a) Yếu - khoẻ ; b) thấp - cao ; c) lạnh - rách ; d) cao - thấp, béo - gầy .

7. Lo nhiều bề : trời, đất, mây, mưa, nắng, ngày, đêm, chân cứng đá mềm, trời yên, biển lặng.

8. HS tự làm. Gợi ý : Nhắc người ta nhớ ơn người làm ra hạt gạo.

9. Khuyến nông dân chăm chỉ cấy cày.

10. HS tự làm. Gợi ý : Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày ; Nước bạc, cơm vàng ; Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu.

11. Thiếu các thông tin :

- Nam, nữ : Nữ

- Lí do làm đơn : Em làm đơn này để nghị Trường Trung học cơ sở Cát Linh xét cho em được vào học lớp 6 của Trường.

- Em xin trân trọng cảm ơn.

- Ý kiến của cha mẹ học sinh.

12. HS tự làm. Gợi ý : Chú ý dấu hiệu các kiểu câu :

Câu hỏi : Cuối câu có dấu chấm hỏi (?).

Câu kể : Cuối câu có dấu chấm hoặc dấu hai chấm.

Câu cảm : Cuối câu có dấu chấm than.

Câu khiến : Trong câu có từ *hãy*.

TUẦN 18

1.

Số thứ tự	Tên bài	Tác giả	Thể loại	Nội dung chính
1	Chuyện một khu vườn nhỏ	Vân Long	Văn kể chuyện	Bé Thu thường được nghe ông giảng về từng loài cây trong khu vườn của nhà mình. Khi thấy chim đến bắt sâu và hót trên cành lựu, Thu mời bạn Hằng lên xem để tin rằng ban công nhà mình là vườn.

Số thứ tự	Tên bài	Tác giả	Thể loại	Nội dung chính
2	Tiếng vọng	Nguyễn Quang Thiều	Thơ tự do	Tác giả thương con chim sẻ nhỏ bị chết trong cơn bão đêm, để lại trong tổ những quả trứng đang ấp dở.
3	Mùa thảo quả	Ma Văn Kháng	Văn miêu tả	Mùa thảo quả ở rừng Đản Kao chín rục, toả mùi thơm ngậy ngất. Cây thảo quả sinh sôi mạnh mẽ, ra hoa kết trái như chứa lửa, chứa nắng.
4	Hành trình của bầy ong	Nguyễn Đức Mậu	Thơ lục bát	Bầy ong bay khắp mọi miền, từ rừng sâu đến biển xa để tìm hoa gầy mật.
5	Người gác rừng tí hon	Nguyễn Thị Cẩm Châu	Văn kể chuyện	Bạn nhỏ đã khám phá một vụ ăn trộm gỗ, đã thông minh, dũng cảm nghĩ kế báo cho các chú công an, góp phần bắt được bọn người xấu.
6	Trồng rừng ngập mặn	Phan Nguyên Hồng	Văn thuyết minh	Thành tích trồng rừng ngập mặn ở các tỉnh ven biển có tác dụng ngăn sóng biển, chống bão, phát triển nghề nuôi hải sản.

2. HS tự làm.

3. a) dày - mỏng ; b) rét buốt ; c) mẹ, con ; d) cửa ; e) chộp chộp, lay lay ; g) Quạt nan như lá ; Quạt nan như cánh.

4: HS tự làm.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3	PHẦN HAI: GỢI Ý - GIẢI ĐÁP	111
PHẦN MỘT: CÁC DẠNG BÀI TẬP	5	TUẦN 1	113
TUẦN 1	7	TUẦN 2	115
TUẦN 2	15	TUẦN 3	118
TUẦN 3	23	TUẦN 4	120
TUẦN 4	30	TUẦN 5	123
TUẦN 5	36	TUẦN 6	124
TUẦN 6	40	TUẦN 7	126
TUẦN 7	47	TUẦN 8	127
TUẦN 8	51	TUẦN 9	128
TUẦN 9	56	TUẦN 10	130
TUẦN 10	62	TUẦN 11	131
TUẦN 11	65	TUẦN 12	132
TUẦN 12	70	TUẦN 13	134
TUẦN 13	76	TUẦN 14	135
TUẦN 14	82	TUẦN 15	136
TUẦN 15	88	TUẦN 16	137
TUẦN 16	94	TUẦN 17	139
TUẦN 17	100	TUẦN 18	141
TUẦN 18	107		